



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

14

Tháng 7 - 2011

ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ III HIỆP HỘI BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2011



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam - Chủ tịch Hiệp hội BĐS Việt Nam báo cáo kết quả hoạt động của Ban Chấp hành Hiệp hội nhiệm kỳ II



Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải trao tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Hiệp hội BĐS Việt Nam

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

14

SỐ 14 - 7/2011



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần 5
- Quyết định số 1216/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 7
- Thông tư số 08/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng cho một số công việc tư vấn xây dựng 9
- Thông tư số 09/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình 10

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng 11
- Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Tiêu chuẩn Việt Nam: “Ngói gốm tráng men” 16
 - + Nghiên cứu nguồn cốt liệu và thành phần bê tông phục vụ xây dựng nhà máy điện nguyên tử ở Việt Nam (dự kiến tại Ninh Thuận)
 - + Tiêu chuẩn Việt Nam “Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC” và “Vật liệu chống thấm - Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” 18
- Hội thảo chuyên đề về mô hình Hợp tác công tư trong lĩnh vực thoát nước - Đề xuất cho Hà Nội 20
- Penetron - giải pháp chống thấm hiệu quả 22
- Nhà thông minh – ngôi nhà của thế kỷ XXI 24
- Chú trọng phục hồi trong công tác cải tạo các khu phố cũ - kinh nghiệm của Thành phố Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc 26
- Chiến lược và biện pháp phát triển “thành phố giao thông công cộng” của Quảng Châu - Trung Quốc 29

Thông tin

- Hội nghị giao ban trực tuyến triển khai nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011 của ngành Xây dựng 34
- Hội nghị sơ kết nửa nhiệm kỳ hoạt động của Công đoàn Xây dựng Việt Nam 35
- Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 46/2005/NĐ-CP của Chính phủ và sơ kết công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2011 37
- Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng, sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011 39
- Khai mạc Đại hội nhiệm kỳ III Hiệp hội Bất động sản Việt Nam 41
- Lễ Động thổ và khởi công tuyến đường 11 Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội 43
- Giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần

Ngày 18/7/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Mục tiêu là chuyển đổi những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, nhằm huy động vốn của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Yêu cầu đối với việc chuyển đổi, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp, thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

Theo Nghị định này, đối tượng cổ phần hóa bao gồm Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế; Tổng Công ty nhà nước (kể cả ngân hàng thương mại nhà nước); Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là doanh nghiệp thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chưa chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện cổ phần hóa khi có đủ hai điều kiện: Không thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn điều lệ; còn vốn nhà nước sau khi đã được xử lý tài chính và đánh giá lại giá trị doanh nghiệp.

Trường hợp sau khi đã được xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp mà giá trị thực tế doanh nghiệp thấp hơn các khoản phải trả thì cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa chỉ đạo doanh nghiệp phối hợp với Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ của doanh nghiệp xây dựng phương án tái cơ cấu doanh nghiệp. Trường hợp phương án tái cơ cấu doanh nghiệp không khả thi và hiệu quả thì chuyển sang thực hiện các hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về hình thức cổ phần hóa, Nghị định này quy định 03 hình thức gồm: Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

Chi phí cổ phần hóa được trừ vào vốn nhà nước hoặc nguồn thu từ cổ phần hóa tại doanh nghiệp. Nội dung và mức chi phí cổ phần hóa do Bộ Tài chính quy định.

Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động tại thời điểm quyết định cổ phần hóa và giải quyết chế độ cho người lao động nghỉ việc, thôi việc theo quy định hiện hành, kế thừa mọi trách nhiệm đối với người lao động từ doanh nghiệp cổ phần hóa

chuyển sang, có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật;

Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra, xử lý những vấn đề về tài chính để xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần hóa đã bàn giao và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp cổ phần hóa được xác định bổ sung sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền quyết toán, bàn giao cho công ty cổ phần không thuộc trách nhiệm của công ty cổ phần. Trường hợp sau khi bàn giao sang công ty cổ phần mới phát sinh khoản truy thu hoặc xử phạt các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp trong thời gian là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thì cần làm rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể để thực hiện việc bồi hoàn, nộp phạt, xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Nghị định quy định, doanh nghiệp cổ phần hóa phải thực hiện công khai, minh bạch các thông tin về doanh nghiệp, về phương án cổ phần hóa, tình hình quản lý và sử dụng đất đai, lao động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật. Doanh nghiệp cổ phần hóa có tình hình tài chính đáp ứng đủ điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán phải xây dựng phương án, lộ trình niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa quy định việc cổ phần hóa đồng thời với việc niêm yết trên thị trường chứng khoán trong phương án cổ phần hóa để công bố cho các nhà đầu tư biết trước khi bán cổ phần lần đầu.

Về xử lý tài chính khi cổ phần hóa, sau khi nhận được quyết định thực hiện cổ phần hóa của cơ quan có thẩm quyền, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản, các nguồn vốn và quỹ doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm theo chế độ Nhà nước quy định. Trường hợp thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không trùng với thời điểm kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Đối với tài sản do doanh nghiệp cổ phần hóa thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp thì không tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Trước khi chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa phải thống nhất với chủ sở hữu tài sản để công ty cổ phần kế thừa các hợp đồng đã ký trước đây hoặc thanh lý hợp đồng. Đối với những tài sản không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm chủ động xử lý theo chế độ quản lý tài chính hiện hành (thanh lý, nhượng bán). Đối với tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm cả các công trình ngầm, đường sá nội bộ, tường rào, sân, bãi nội bộ) mà doanh nghiệp có sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp, các tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải mới đầu tư đưa vào sử dụng trong thời hạn 05 năm hoặc có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán từ 50% nguyên giá của tài sản trở lên, doanh nghiệp phải tiếp tục quản lý theo dõi và xử lý dứt điểm theo chế độ quản lý tài chính hiện hành đến thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Đối với tài sản thuộc diện phải hủy bỏ là hóa chất, chất gây nguy hại, thuốc trừ sâu đã quá hạn ... doanh nghiệp phải phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành xử lý, hủy bỏ theo quy định hiện hành trước thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật

Doanh nghiệp. Sau khi xác định nguyên nhân, trách nhiệm, bồi hoàn theo chế độ quản lý tài chính hiện hành, phần tổn thất doanh nghiệp được xử lý vào kết quả kinh doanh theo quy định. Đối với các tài sản là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình bị đình hoãn theo quyết định của cấp có thẩm quyền, doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm tiếp tục kế thừa, theo dõi và xử lý theo quy định của pháp luật. Riêng các khoản chi phí của dự án không được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chưa hình thành hiện vật, không có giá trị thu hồi như chi phí lập phương án tiền khả thi, chi phí khảo sát, thiết kế công trình thì doanh nghiệp phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm bồi hoàn theo chế độ quản lý tài chính hiện hành, phần tổn thất được xử lý vào kết quả kinh doanh theo quy định.

Đối với công trình phúc lợi: nhà trẻ, nhà mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tổ chức công đoàn tại công ty cổ phần quản lý, sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong công ty cổ phần. Đối với

nhà ở của cán bộ, công nhân viên đầu tư bằng nguồn Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp, kể cả nhà ở được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp thì chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý.

Đối với tài sản dùng trong sản xuất, kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp cổ phần hóa được tính vào giá trị doanh nghiệp và công ty cổ phần tiếp tục sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thì phần vốn tương ứng với giá trị tài sản này doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm hoàn trả Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi để chia cho người lao động đang làm việc ở doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp theo số năm công tác tại doanh nghiệp cổ phần hóa.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/9/2011 và thay thế Nghị định số 109/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 1216/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020

Ngày 22/7/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1216/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

Quy hoạch này được xây dựng với quan điểm: Phát triển nhân lực nhằm thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, có tầm nhìn dài hạn và bước đi thích hợp theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, bảo đảm tính hài hòa về cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành/lĩnh vực, vùng, miền, lãnh thổ, gắn với yêu cầu của hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể của Quy hoạch là tăng nhanh tỷ lệ nhân lực qua đào tạo dưới các hình thức, trình độ khác nhau từ mức 40% năm 2010 lên 70% vào năm 2020, trong đó tỷ lệ nhân lực qua đào tạo ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng tương ứng từ 15,5% lên 50%; ngành công nghiệp từ 78% lên 82%, ngành xây dựng từ 41% lên 56%; ngành dịch vụ tăng từ 67% lên 88%. Phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực với chất lượng ngày càng cao, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực, đồng thời tập trung ưu tiên những lĩnh vực Việt Nam có lợi thế cạnh tranh; Xây dựng được đội ngũ giáo viên có chất lượng cao để đào tạo

nhân lực có trình độ cho đất nước.

Theo Quy hoạch nay, từ nay đến năm 2020 sẽ tăng nhanh tỷ lệ nhân lực qua đào tạo trong toàn nền kinh tế với cơ cấu hợp lý. Tổng số nhân lực qua đào tạo năm 2015 khoảng 30,5 triệu người và khoảng 44 triệu người vào năm 2020. Trong tổng số nhân lực qua đào tạo, số nhân lực đào tạo qua hệ thống dạy nghề năm 2015 khoảng 23,5 triệu người, năm 2020 khoảng 34,4 triệu người; số nhân lực đào tạo qua hệ thống giáo dục - đào tạo năm 2015 khoảng 7 triệu người, năm 2020 khoảng 9,4 triệu người.

Về cơ cấu bậc đào tạo, năm 2015 số nhân lực qua đào tạo ở bậc sơ cấp nghề khoảng 18 triệu người, bậc trung cấp khoảng 7 triệu người, cao đẳng 2 triệu người, bậc đại học khoảng 3,3 triệu người và bậc trên đại học khoảng 200 nghìn người. Đến năm 2020, sẽ có khoảng gần 24 triệu người qua đào tạo ở bậc sơ cấp nghề, 12 triệu người ở bậc trung cấp nghề, bậc cao đẳng khoảng 3 triệu người, bậc đại học khoảng 5 triệu người và trên đại học khoảng 300 nghìn người.

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, nhân lực tăng từ mức 10,8 triệu người vào năm 2010 lên 15 triệu người năm 2015 và khoảng trên 20 triệu người năm 2020; trong đó nhân lực ngành công nghiệp tăng từ 7,9 triệu người năm 2010 lên khoảng 10 triệu người năm 2015 và 11-12 triệu người năm 2020; nhân lực ngành xây dựng tăng từ 2,9 triệu người năm 2010 lên khoảng 5 triệu người năm 2015 và khoảng 8-9 triệu người năm 2020. Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo tăng từ mức 69% trong tổng số nhân lực khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2010 lên 76% năm 2015 và hơn 80% năm 2020.

Trong lĩnh vực xây dựng, tỷ lệ nhân lực qua đào tạo tăng từ 41% năm 2010 lên khoảng 60% năm 2015 và khoảng 65% năm 2020; trong đó bậc sơ cấp nghề chiếm khoảng 68,5% năm 2015 và 68% năm 2020, bậc trung cấp chiếm 25% vào năm 2015 và 24% năm 2020, bậc cao

đẳng chiếm khoảng 2% năm 2015 và 3% năm 2020, bậc đại học và trên đại học chiếm khoảng 4,5% năm 2015 và khoảng 5% vào năm 2020.

Giai đoạn 2011-2020, đảm bảo có khoảng từ 35-40% tổng số nhân lực qua đào tạo ngành công nghiệp và 40-45% tổng số nhân lực qua đào tạo ngành xây dựng được bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc.

Đối với khu vực dịch vụ, nhân lực tăng từ mức trên 13 triệu người năm 2010 lên khoảng 15-16 triệu người năm 2015 và khoảng 17-19 triệu người năm 2020. Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo trong lĩnh vực dịch vụ tăng từ mức 67% năm 2010 lên khoảng 80% năm 2015 và 88% năm 2020. Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 45% năm 2015 và 37% năm 2020; trình độ trung cấp chiếm khoảng 25% năm 2015 và 23% năm 2020; trình độ cao đẳng chiếm 7,5% năm 2015 và khoảng 22% năm 2020; trình độ đại học và trên đại học khoảng 22,5% năm 2015 và khoảng 27,5% năm 2020.

Trong giai đoạn 2011-2020 cần tổ chức đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ và kỹ năng làm việc cho khoảng 30-35 % tổng số nhân lực qua đào tạo của khu vực dịch vụ.

Nhân lực trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp năm 2010 là 24,9 triệu người (chiếm 51% tổng nhân lực trong nền kinh tế), năm 2015 có khoảng 24-25 triệu người. Tỷ lệ nhân lực qua đào tạo trong khu vực này tăng từ mức 15,5% năm 2010 lên khoảng 28% năm 2015 và khoảng 50% năm 2020. Trong số nhân lực được đào tạo, trình độ sơ cấp nghề chiếm khoảng 73% năm 2015 và khoảng 65% năm 2020; trình độ trung cấp chiếm khoảng 19% năm 2015 và khoảng 22,5% năm 2020; trình độ cao đẳng khoảng 6,5% năm 2015 và khoảng 6% năm 2020; trình độ đại học và trên đại học khoảng 1,5% năm 2015 và khoảng 2% năm 2020. Riêng trong lĩnh vực ngư nghiệp, tỷ lệ nhân lực qua đào tạo các loại so với tổng nhân

lực ngư nghiệp tăng từ mức 28,4% năm 2010 lên khoảng 45% năm 2015 và khoảng 68% năm 2020.

Theo Quy hoạch này, dự báo tổng vốn đầu tư cho phát triển nhân lực giai đoạn 2011-2020 (bao gồm cả giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế - chăm sóc sức khỏe và các chi phí khác dành cho phát triển nhân lực) ước tính khoảng 2.135 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,0% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong đó thời kỳ 2011-2015 là 800 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 13% tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thời kỳ 2016-2020 là 1.335 tỷ đồng, chiếm khoảng 12% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Tổng vốn đầu tư trực tiếp cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2011-2020 dự kiến

khoảng 1.225-1.300 nghìn tỷ đồng; trong đó, thời kỳ 2011-2015 là 475-500 nghìn tỷ đồng và thời kỳ 2016-2020 là 750-800 nghìn tỷ đồng.

Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm để thực hiện Quy hoạch này; chủ trì, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực phù hợp với Quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia và đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 08/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng cho một số công việc tư vấn xây dựng

Ngày 28/6/2011, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2011/TT-BXD về hướng dẫn mẫu hợp đồng cho một số công việc tư vấn xây dựng, bao gồm tư vấn khảo sát xây dựng công trình; tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình; tư vấn thiết kế xây dựng công trình các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định khác với quy định của Thông tư này thì thực hiện theo các quy định của điều ước quốc tế đó.

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hợp đồng tư vấn xây dựng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hợp đồng tư vấn xây dựng của các dự án sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước áp dụng Thông tư này.

Mẫu hợp đồng tư vấn xây dựng ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm: Phần I: các căn cứ ký kết hợp đồng; Phần II: các điều khoản và điều kiện của hợp đồng.

Thông tư này hướng dẫn mẫu hợp đồng tư vấn xây dựng giữa chủ đầu tư và nhà thầu; Trường hợp bên giao thầu là tổng thầu hoặc nhà thầu chính thì các bên vận dụng mẫu hợp đồng này để thực hiện.

Khi áp dụng mẫu hợp đồng kèm theo Thông tư này, các bên căn cứ quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7/5/2010 của Chính phủ về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định khác của Nhà nước có liên quan và hướng dẫn dưới đây để thỏa thuận trong hợp đồng:

Chủ đầu tư và nhà thầu căn cứ vào công việc tư vấn cụ thể của từng gói thầu để áp dụng mẫu hợp đồng, thực hiện công việc tư vấn nào thì các bên quy định nội dung công việc, khối lượng công việc, yêu cầu về chất lượng, số lượng, nghiệm thu sản phẩm tư vấn và hồ sơ thanh toán tương ứng.

Mức tạm ứng, thời hạn thanh toán, số lần thanh toán, mức bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có), thời gian quyết toán hợp đồng, thời gian hiệu lực của hợp đồng, tỷ lệ % giá hợp đồng (đối với giá hợp đồng theo tỷ lệ %), thời gian chấm dứt hợp đồng... các bên phải thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng.

Trong một hợp đồng có thể áp dụng một hoặc nhiều loại giá hợp đồng tương ứng với nội dung công việc tư vấn như quy định tại khoản

15.1 của Mẫu hợp đồng kèm theo Thông tư này. Với loại giá hợp đồng khác nhau, các bên thỏa thuận điều chỉnh giá hợp đồng tương ứng, phù hợp.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 / 8 /2011. Hợp đồng đã ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 09/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình

Ngày 28/6/2011, Bộ Xây dựng đã có Thông tư số 09/2011/TT-BXD hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình. Thông tư này hướng dẫn mẫu hợp đồng thi công xây dựng của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là vốn ODA), vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước.

Đối với dự án sử dụng vốn ODA, nếu điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có những quy định về hợp đồng thi công xây dựng khác với quy định của thông tư này thì thực hiện theo các quy định tại điều ước quốc tế đó.

Đối tượng áp dụng của Thông tư bao gồm các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng công trình, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình của các dự án sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hợp đồng thi công xây dựng của các dự án sử dụng ít hơn 30% vốn nhà nước áp dụng Thông tư này.

Mẫu hợp đồng thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư này gồm hai phần: Phần I:

các căn cứ ký kết hợp đồng; Phần II: các điều khoản và điều kiện hợp đồng.

Theo Thông tư này, tùy theo loại hợp đồng mà các bên ký kết thống nhất áp dụng quy định về giá hợp đồng và hồ sơ thanh toán tương ứng của mẫu hợp đồng. Trong một hợp đồng có thể áp dụng nhiều loại giá hợp đồng; mẫu hợp đồng này quy định cho các loại hợp đồng thi công xây dựng (bao gồm cả lắp đặt thiết bị công trình xây dựng theo thiết kế xây dựng công trình).

Mẫu hợp đồng kèm theo Thông tư này hướng dẫn thực hiện giữa chủ đầu tư và nhà thầu; trường hợp bên giao thầu là tổng thầu hoặc nhà thầu chính thì các bên vận dụng mẫu hợp đồng này để thực hiện.

Một số quy định cụ thể như: nội dung và khối lượng công việc, thuê tư vấn, mức tạm ứng hợp đồng, mức bảo đảm thực hiện hợp đồng, mức bảo hành, thời hạn thanh toán, mức thanh toán cho các lần thanh toán trong hợp đồng, thời hạn tạm ngừng, thời gian chấm dứt hợp đồng, thời hạn bảo hành công trình và các trường hợp tương tự thì các bên căn cứ quy định của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng và các quy định của Nhà

nước có liên quan để thoả thuận trong hợp đồng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2011. Những hợp đồng đã ký trước ngày

Thông tư này có hiệu lực thì không phải áp dụng quy định của Thông tư này.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Ngày 24/6/2011, UBND tỉnh Sóc Trăng đã có Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành; hoạt động đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được áp dụng chung chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

Bên cạnh việc hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đất đai, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định pháp luật khác có liên quan, khi thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, nhà đầu tư còn được hưởng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo Quy định này.

Về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện đầu tư, khi có nhu cầu sử dụng đất vào mục đích đầu tư thì nhà đầu tư được Nhà nước tổ chức thu hồi và giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư đối với các trường hợp: Đầu tư xây dựng cụm, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế; Thực hiện dự

án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự án quan trọng do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; Thực hiện các dự án đầu tư có nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Thực hiện các dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc cho phép đầu tư mà dự án đó không thể đầu tư trong cụm, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế; Thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP); Thực hiện các dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thuộc danh mục lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt khuyến khích đầu tư (theo Nghị định số 61/2010/NĐ-CP); Thực hiện các dự án khu dân cư (bao gồm dự án hạ tầng khu dân cư và dự án nhà ở), trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp trong các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP.

Ngoài các trường hợp trên, căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, UBND tỉnh có thể xem xét, hỗ trợ tổ chức thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất đối với các dự án khác có nhu cầu bức xúc theo quy định của pháp luật.

Tất cả các trường hợp thu hồi đất nêu trên đều phải nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử

dụng đất; quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; quy hoạch điểm, tuyến công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ; quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sử dụng đất và dự án đầu tư được duyệt nhằm tạo lập quỹ đất sạch, bảo đảm điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư theo quy định pháp luật.

Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án đầu tư của nhà đầu tư khi Nhà nước thu hồi đất để giao đất hoặc cho thuê đất được áp dụng theo quy định hiện hành. Trường hợp nhà đầu tư ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; số tiền được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp.

Trường hợp nhà đầu tư được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được giao đất có thu tiền sử dụng đất, được cho thuê đất mà được miễn tiền sử dụng đất, miễn tiền thuê đất thì tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã ứng trước theo phương án được duyệt được tính vào vốn đầu tư của dự án.

Về hạ tầng kỹ thuật, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật (chủ yếu là đường giao thông) đến hàng rào dự án đối với những dự án được tỉnh đặc biệt khuyến khích đầu tư. Các công trình hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành như cấp điện, cấp nước, thông tin, viễn thông... do các doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư để cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư theo hợp đồng giữa các bên.

Trường hợp Nhà nước chấp thuận cho nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài

hàng rào dự án (đầu tư thay cho Nhà nước), thì nhà đầu tư sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả kinh phí đầu tư bằng cách khấu trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất hoặc trả dần giá trị đầu tư công trình cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 năm kể từ ngày công trình hoàn thành và được nghiệm thu cùng với lãi suất kỳ hạn 05 năm (theo lãi suất bình quân của các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh tại thời điểm công trình hoàn thành). Mức hỗ trợ tối đa không vượt quá tổng số tiền thuê đất, tiền sử dụng đất phải nộp của dự án.

Dự án đầu tư được Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án phải thuộc Danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư do UBND công bố, ban hành theo từng giai đoạn cụ thể.

Về hỗ trợ tư vấn về thủ tục hành chính, xúc tiến đầu tư và thương mại, theo Quy định này, Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Sóc Trăng là đơn vị được giao làm đầu mối phối hợp với các sở ngành, cơ quan chức năng của tỉnh thực hiện công tác hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Các hoạt động hỗ trợ tư vấn đầu tư bao gồm: Cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành; về danh mục các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư của tỉnh; Tư vấn, hướng dẫn thủ tục hành chính theo đề nghị của nhà đầu tư về các lĩnh vực: Đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, lao động, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư; Hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tiến hành khảo sát thực địa, lựa chọn địa điểm, vị trí dự kiến thực hiện dự án đầu tư.

Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án thuộc danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư của tỉnh thì được hỗ trợ chi phí thực hiện thủ tục đầu tư cụ thể như sau: Hỗ trợ 40% chi phí lập dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật), mức hỗ trợ tối đa không quá 250 triệu đồng/dự án; Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện các thủ tục hành

chính còn lại (từ khi có chủ trương đầu tư đến khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư). Số tiền hỗ trợ được thanh toán cho nhà đầu tư sau khi dự án đi vào hoạt động. Chi phí lập dự án và thực hiện các thủ tục hành chính phải được cơ quan chức năng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhà đầu tư được hỗ trợ thực hiện xúc tiến thương mại theo Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt.

Tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh (kể cả cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể), trừ cán bộ, công chức có trách nhiệm trực tiếp làm việc tại Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu công nghiệp, có công trực tiếp trong việc xúc tiến các công việc cần thiết, vận động, kêu gọi nhà đầu tư ngoài tỉnh hoặc ngoài nước triển khai thực hiện dự án đầu tư thuộc danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư của tỉnh thì sau khi dự án chính thức đi vào hoạt động sẽ được UBND tỉnh Sóc Trăng chi thưởng bằng tiền: Đối với các dự án có vốn đầu tư trong nước, mức thưởng là 0,2% tổng mức đầu tư cố định của dự án được quyết toán nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/dự án; Đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài (chỉ tính 3 hình thức đầu tư: Hợp đồng hợp tác kinh doanh, 100% vốn nước ngoài và liên doanh), mức thưởng là 0,2% tổng mức đầu tư cố định của dự án được quyết toán nhưng tối đa không quá 10.000 USD/dự án và thực hiện chi thưởng bằng đồng Việt Nam.

Về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, đối với dự án thuộc danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư của tỉnh, nếu nhà đầu tư có nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sóc Trăng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí đào tạo nghề: Hỗ trợ 25% tiền học phí đối với dự án có số lao động được đào tạo từ 50 đến 150 người; Hỗ trợ 40% tiền học phí đối với dự án có số lao động được đào tạo từ 151 đến 300 người; Hỗ trợ 50% tiền học phí đối với dự

án có số lao động được đào tạo trên 300 người.

UBND tỉnh Sóc Trăng khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp, công nghệ nguồn, công nghệ tạo ra sản phẩm mới, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, tài nguyên thiên nhiên vào địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và sử dụng công nghệ tại tỉnh theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ. Theo khả năng, điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh Sóc Trăng thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển giao, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

UBND tỉnh Sóc Trăng khuyến khích và hỗ trợ phát triển đối với dự án dịch vụ hỗ trợ đầu tư đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 32 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và do Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Sóc Trăng chịu trách nhiệm thực hiện.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ vốn đối với hợp tác xã do Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Sóc Trăng chịu trách nhiệm thực hiện.

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ do Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện.

Trong quá trình hoạt động đầu tư tại tỉnh Sóc Trăng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước được áp dụng thống nhất giá, phí, lệ phí đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước kiểm soát.

(Xem toàn văn tại: vietnam.gov.vn)

Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Ngày 27/6/2011, UBND thành phố Cần Thơ đã có Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quy định này quy định việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND quận, huyện; xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Nguyên tắc của việc phân công, phân cấp trách nhiệm là nhằm nâng cao vai trò quản lý chất lượng công trình xây dựng của các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Tăng cường phối hợp giữa Sở Xây dựng với các Sở Giao thông vận tải, Công Thương, nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, cấp xã nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, kịp thời đề xuất với UBND thành phố ban hành chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng phù hợp với điều kiện của địa phương.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan tham mưu, giúp UBND thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Cần Thơ, là cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, đề xuất

UBND thành phố chỉ đạo các hoạt động đảm bảo chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố, cụ thể: Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Quy định việc phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố; Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố; Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng loại công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật và cấp công trình xây dựng thuộc mọi cấp; Soạn thảo các văn bản, tài liệu nghiệp vụ về quản lý chất lượng các công trình xây dựng để hướng dẫn cho các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng thực hiện các biện pháp đảm bảo chất lượng công trình xây dựng; theo dõi việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về chất lượng công trình xây dựng; Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản hướng dẫn về quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành; Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã; kiểm tra định kỳ, đột xuất sự tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật; Phối hợp với các Sở có quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; Hướng

dẫn, tổ chức tuyển chọn hoặc chỉ định tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện giám định chất lượng, giám định sự cố công trình trên địa bàn thành phố; Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị tham gia kiểm định chất lượng khi thực hiện công tác kiểm định về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị tham gia giám định chất lượng công trình xây dựng khi có quyết định trưng cầu của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, các chủ đầu tư, chủ sở hữu báo cáo nhanh về Sở Xây dựng và UBND thành phố đối với mọi sự cố công trình xây dựng và báo cáo nhanh sự cố công trình cho Bộ Xây dựng theo quy định; Chủ trì đánh giá, kết luận hoặc tổ chức giám định để xác định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng; Thực hiện công tác tổng hợp, tham mưu cho UBND thành phố để báo cáo Bộ Xây dựng hàng năm về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn trước ngày 15/6 (báo cáo 6 tháng), trước ngày 15/12 (báo cáo năm) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo phụ lục 2 của Thông tư số 27/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Sở Giao thông vận tải giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng loại công trình giao thông và cấp công trình xây dựng do Sở Giao thông vận tải quản lý thuộc mọi cấp.

Sở Công Thương giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất

lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng loại công trình công nghiệp và cấp công trình xây dựng thuộc Sở Công Thương quản lý từ cấp IV cho đến cấp đặc biệt.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng loại công trình thủy lợi và cấp công trình xây dựng thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý từ cấp IV cho đến cấp đặc biệt.

UBND cấp huyện giúp UBND thành phố thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trên phạm vi địa giới hành chính quản lý, không phân biệt nguồn vốn loại và cấp công trình xây dựng; Căn cứ tình hình thực tế phân công nhiệm vụ cho UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn cấp xã quản lý.

Phòng Quản lý Đô thị quận, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có chức năng tham mưu giúp UBND cấp huyện và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Xây dựng và các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng tại địa phương.

UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình của các dự án xây dựng trên địa bàn được UBND cấp huyện phân công nhiệm vụ.

(Xem toàn văn tại: www.cantho.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Tiêu chuẩn Việt Nam: “Ngói gốm tráng men”

Ngày 15/7/2011, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu kết quả của đề tài biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam - “Ngói gốm tráng men” do ThS. Nguyễn Văn Minh - Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm. Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT Bộ Xây dựng - ThS Trần Đình Thái - làm chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Theo báo cáo trình bày trước Hội đồng của nhóm biên soạn Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam - “Ngói gốm tráng men”, tại Việt Nam cũng như trên thế giới, sản phẩm ngói lợp đã được sử dụng từ rất lâu và đến nay đã phát triển đa dạng về chủng loại. Ngoài ngói đất sét nung truyền thống (tráng men và không tráng men), ngói xi măng cát còn có sản phẩm ngói gốm tráng men theo công nghệ ép bán khô. Gần đây, những sản phẩm dạng này đã được sản xuất tại một số cơ sở trong nước như Cty Gạch granit Trung Đô, Cty Cổ phần Gạch men Thăng Long. Ngói gốm tráng men thường có kích thước lớn hơn và tải trọng nhẹ hơn so với ngói xi măng và ngói truyền thống.

Ngói gốm tráng men được sản xuất trên công nghệ tương tự như công nghệ sản xuất gạch ceramic, granit. Vì vậy, loại sản phẩm này có tính thẩm mỹ cũng như tính chất cơ lý nổi trội hơn so với các loại ngói khác như độ hút nước thấp, bền màu, màu sắc đa dạng và phong phú, phù hợp với trang trí kiến trúc nên được sử dụng nhiều trong công trình xây dựng. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có tiêu chuẩn quốc gia hay tiêu chuẩn ngành cho loại sản phẩm ngói gốm tráng men.

Theo nhóm tác giả, việc xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam cho sản phẩm ngói gốm tráng men là cần thiết, góp phần hoàn chỉnh bộ tiêu chuẩn Việt Nam và tạo điều kiện cho việc quản



Buổi làm việc của Hội đồng nghiệm thu

lý của Nhà nước về chất lượng sản phẩm được sản xuất trong nước cũng như nhập khẩu.

Để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu đề tài, nhóm tác giả đã tham khảo và sử dụng các tài liệu tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài có liên quan trong quá trình soạn thảo kết hợp với khảo sát thực tế tại một số cơ sở sản xuất trong nước và các cơ sở nhập khẩu, lấy mẫu và kiểm nghiệm các tính chất và chỉ tiêu cần xây dựng, sau đó tiến hành tổng hợp, so sánh và phân tích các số liệu, trên cơ sở đó đưa ra những mức yêu cầu kỹ thuật phù hợp với điều kiện sản phẩm sản xuất trên cả nước.

Nội dung Dự thảo Tiêu chuẩn gồm 6 mục: Phạm vi áp dụng; tài liệu viện dẫn; kiểu và kích thước cơ bản; yêu cầu kỹ thuật; phương pháp thử; ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển.

Tiêu chuẩn quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử cho sản phẩm ngói gốm tráng men được sản xuất bằng công nghệ ép bán khô, sử dụng cho các công trình xây dựng và không áp dụng cho các sản phẩm ngói đất sét nung (tráng men hoặc không tráng men).

Trong Dự thảo Tiêu chuẩn đã quy định kiểu và các kích thước cơ bản của ngói gốm tráng men, đề xuất yêu cầu kỹ thuật đối với mẫu sắc

và các khuyết tật ngoại quan, các chỉ tiêu cơ lý như độ hút nước, tải trọng uốn gãy, độ bền sốc nhiệt, độ bền rạn men, độ bền băng giá, độ bền hoá của men; quy định cách lấy mẫu và tiến hành các phương pháp thử kiểm tra khuyết tật ngoại quan, xác định các chỉ tiêu cơ lý đồng thời cũng quy định việc bao gói, ghi nhãn, bảo quản và vận chuyển sản phẩm.

Về hiệu quả áp dụng, nhóm nghiên cứu cho rằng tiêu chuẩn này sẽ giúp các nhà quản lý, các chủ đầu tư, người thi công, cán bộ giám sát, nghiệm thu có cơ sở đánh giá chất lượng sản phẩm sử dụng. Việc ban hành và áp dụng tiêu chuẩn một cách thống nhất trên phạm vi cả nước sẽ góp phần đảm bảo chất lượng trên các công trình xây dựng.

Theo ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng nghiệm thu, bố cục các nội dung cơ bản của Dự thảo Tiêu chuẩn đã được trình bày mạch lạc và đầy đủ, phù hợp với kết cấu văn bản tiêu chuẩn sản phẩm hàng hoá hiện hành; các mức quy định của tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở mẫu thực tế sản xuất hiện có ở trong nước và có tham khảo tiêu chuẩn nước ngoài, các mức đề xuất là có thể chấp nhận được, tuy nhiên để tăng tính khoa học, chuẩn xác, mạch lạc cho

văn bản. Các chuyên gia của Hội đồng cũng đề nghị nhóm biên soạn bổ sung phương án gộp các sản phẩm ngói gốm tráng men sản xuất theo phương pháp ép bán khô và tạo hình dẻo vào một mã số TCVN để người sử dụng tiêu chuẩn thuận tiện áp dụng; đối với sản phẩm ngói lợp cần phân rõ kiểu, loại cơ bản - đây là điều trong dự thảo chưa nêu rõ; cần thống nhất về thuật ngữ với các tiêu chuẩn hiện hành đối với một số thuật ngữ được sử dụng trong Dự thảo Tiêu chuẩn

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Th.S Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng đã phát biểu kết luận, đánh giá cao nỗ lực của nhóm biên soạn trong việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đặt ra cho đề tài, tuy nhiên để Tiêu chuẩn này phù hợp hơn với điều kiện thực tế ở nước ta, để sử dụng và bảo đảm tính chuẩn xác, mạch lạc của văn bản tiêu chuẩn, nhóm nghiên cứu cần tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng để hoàn chỉnh Dự thảo tiêu chuẩn trong đó lưu ý điều chỉnh độ hút nước, sai lệch kích thước cho phép và tải trọng uốn gãy. Hội đồng thống nhất nghiệm thu và đánh giá đề tài đạt loại Khá.

Huỳnh Phước

Nghiên cứu nguồn cốt liệu và thành phần bê tông phục vụ xây dựng nhà máy điện nguyên tử ở Việt Nam (dự kiến tại Ninh Thuận)

Ngày 21/7/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tổ chức họp nghiệm thu các kết quả của đề tài “Nghiên cứu nguồn cốt liệu và thành phần bê tông phục vụ xây dựng nhà máy điện nguyên tử ở Việt Nam” do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Khoa học công nghệ xây dựng thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu.

Báo cáo trước Hội đồng, chủ nhiệm đề tài - TS. Nguyễn Đức Thắng cho biết, để đáp ứng

nhu cầu điện năng ngày càng tăng, Chính phủ đã quy hoạch việc sử dụng năng lượng nguyên tử sau năm 2010, định hướng tới năm 2030, và dự kiến xây dựng tại Ninh Thuận 02 nhà máy điện hạt nhân với tổng công suất khoảng 4.000MW ngay trong giai đoạn 2015-2020. Vật liệu sử dụng trong thi công xây dựng nhà máy điện hạt nhân ngoài một số vật liệu truyền thống còn sử dụng các loại đặc thù nhằm đảm bảo về sinh học tránh các nguồn bức xạ. Tỷ trọng lớn trong các vật liệu đó là bê tông. Do

đó, xác định nguồn vật liệu - đặc biệt là cốt liệu, (chiếm đến 70-80% khối lượng bê tông) tại Ninh Thuận, phân tích và đánh giá khả năng sử dụng chúng trong chế tạo các loại bê tông xây dựng nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận là rất cần thiết. Đề tài được nghiên cứu với các mục tiêu cơ bản: khảo sát nguồn cốt liệu tại Ninh Thuận, trên cơ sở đó xác định các tính chất cơ, lý, hoá của cốt liệu; đề xuất hướng dẫn lựa chọn thành phần bê tông xây dựng nhà máy điện hạt nhân ở Việt Nam; xây dựng Dự thảo Tiêu chuẩn “Hướng dẫn thi công và nghiệm thu bê tông dùng cho xây dựng nhà máy điện hạt nhân tại Ninh Thuận”.

Tại cuộc họp, các ủy viên phản biện và thành viên của Hội đồng đã nhất trí: đề tài được nghiên cứu nghiêm túc, các kết quả khảo sát thử nghiệm rất khả quan. Hội đồng đã thảo luận với nhóm tác giả về một số thuật ngữ, câu chữ chưa phù hợp, đồng thời nêu ý kiến để các tác giả nghiên cứu kỹ hơn các báo cáo đã làm trước đây, tham khảo sâu hơn công nghệ và kinh nghiệm xây dựng nhà máy điện hạt nhân của các nước, đặc biệt là Nga (do nhà máy Ninh Thuận 1 dự kiến sẽ áp dụng công nghệ của



T.S Nguyễn Trung Hòa phát biểu kết luận cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

Nga), tập trung nghiên cứu thành phần bê tông cần xạ - đặc thù cho nhà máy điện hạt nhân.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, TS. Nguyễn Trung Hoà đã đánh giá cao những cố gắng của nhóm tác giả trong việc nghiên cứu đề tài này, đồng thời yêu cầu nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, sớm hoàn chỉnh Dự thảo Tiêu chuẩn trước khi trình Bộ KHCN thẩm định và công bố. Đề tài được nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Tiêu chuẩn Việt Nam “Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC” và “Vật liệu chống thấm - Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”

Ngày 22/7/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam “ Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC” và “Vật liệu chống thấm - Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” Viện Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng thực hiện, KS. Trịnh Minh Đạt và KS. Nguyễn Văn Toàn là các chủ nhiệm đề tài.

Theo báo cáo của các đề tài, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các công trình xây dựng xuất hiện ngày càng



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

nhieu. Để có thể kiểm tra, quản lý chất lượng các công trình hiện nay, cũng như đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong xây dựng là nâng cao khả năng chống thấm cho các loại vật liệu xây dựng, các đề tài này đã được nghiên cứu với mục đích xác định những tiêu chuẩn của 02 loại công cụ hỗ trợ đặc lực cho quá trình thi công – băng chặn nước PVC và tấm CPE.

Băng chặn nước PVC dùng làm vật liệu chặn nước trong mối nối giữa các kết cấu bê tông có yêu cầu chống thấm trong công trình xây dựng. Đây là phương thức xây dựng chống thấm tiên tiến và thông dụng nhất hiện nay, rất thích hợp cho những kết cấu giữ nước, ngăn chặn sự rò rỉ nước ra ngoài cũng như ngăn chặn nước ngấm từ ngoài vào bên trong bồn chứa khi tháo nước. Tấm PVC được thiết kế dùng cho tầng hầm, nền móng, tấm sàn bê tông phẳng ở những mối nối ngang và mối nối dọc trong cả kết cấu giữ nước và ngăn nước. Dự thảo tiêu chuẩn TCVN:2011- Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC được xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo catalogue của các sản phẩm băng chặn nước PVC của các cơ sở sản xuất trong và ngoài nước đồng thời tham khảo một số tiêu chuẩn đã ban hành như TCXDVN 290:2002, TCVN 4509:2006 (ISO 37:2005), TCVN1597-1:2006(ISO 34-1:2004)...

Về đề tài biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam “Vật liệu chống thấm - Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử”, theo nhóm đề tài, tấm CPE (tấm polyetylen clo hóa mềm dẻo) được sử dụng để thi công màng ngăn nước ở những vị trí có khả năng rò rỉ nước hoặc những nơi cần đảm bảo chống thấm lâu dài mà không thể tiếp cận được sau khi xây dựng xong, ví dụ như hồ nước phun, bể bơi, chậu hoa, bể tắm vòi hoa sen, bể an toàn...Vật liệu này có tính năng vượt trội so với các màng chống thấm khác. Mái che, tầng hầm, đường hầm, bể chứa, sàn nhà công nghiệp...khi sử dụng màng này là rất kinh tế, tuổi thọ cao, dễ sử dụng và sửa chữa, làm

việc được trong những môi trường khắc nghiệt khác nhau mà không gây ra những tác động xấu đến môi trường xung quanh. Dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chống thấm -Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn Mỹ ASTM D 4068:2009, ASTM D374 :2004, ASTM D412: 2006, ASTM D1004:2009, ASTM D2240:2009, ASTM D543:2006, ASTM D1876:2008.

Các nghiên cứu tập trung đưa ra những chỉ tiêu về nguyên liệu chế tạo, phân loại, các yêu cầu kỹ thuật (tính chất cơ, lý, hóa; thông số kỹ thuật của băng chặn nước PVC và tấm CPE).

Đánh giá về kết quả của các đề tài, các thành viên Hội đồng và chuyên gia phản biện đều nhất trí, các đề tài được nghiên cứu nghiêm túc, đáp ứng được tình hình thực tế trong xây dựng các công trình ở nước ta hiện nay; tài liệu tham khảo cập nhật nên có đủ cơ sở đánh giá các tiêu chuẩn này phù hợp với điều kiện sử dụng ở Việt Nam, đồng thời đạt trình độ chung của khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, nhóm tác giả cần nghiên cứu sửa đổi một số câu chữ cho phù hợp với một văn bản tiêu chuẩn; phần tài liệu viện dẫn nên sắp xếp theo thứ tự hợp lý. Đề tài “Vật liệu chống thấm - Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” được chuyển dịch nhiều từ tài liệu nước ngoài nên cần được Việt hóa kỹ hơn để dễ sử dụng trong thực tiễn.

Thay mặt Hội đồng nghiệm thu, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN &MT - ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đã đánh giá cao những cố gắng của các nhóm tác giả, đồng thời đề nghị nhóm các tác giả tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng, tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện các Dự thảo Tiêu chuẩn trước khi trình Bộ KHCN thẩm định và công bố trong thời gian tới.

Hội đồng đã nhất trí nghiệm thu 2 đề tài nêu trên với kết quả Đề tài “Băng chặn nước PVC xếp loại Xuất sắc và Đề tài “Tấm CPE - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử” xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội thảo chuyên đề về mô hình Hợp tác công tư trong lĩnh vực thoát nước - Đề xuất cho Hà Nội

Ngày 14/7/2011 tại Hà Nội, Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng Việt Nam đã phối hợp với Vụ Chính sách, Vụ Quản lý Thoát nước và Nước thải - Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản tổ chức Hội thảo chuyên đề về mô hình hợp tác công tư (mô hình HTCT) trong lĩnh vực thoát nước - Đề xuất cho Hà Nội.

Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; đại diện các Sở, ngành của Tp. Hà Nội; đại diện các cơ quan chức năng thuộc Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản; Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội, các nhóm nghiên cứu của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và văn phòng JICA Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng cho biết, Chính phủ Việt Nam luôn coi trọng và khuyến khích các nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân của cả trong nước và ngoài nước tham gia các dự án đầu tư tại Việt Nam. Thu hút đầu tư theo hình thức này không chỉ là sự huy động về mặt tài chính mà còn tiếp thu được những thành quả công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm của các nhà đầu tư. Quyết định số 71/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 09/11/2010 về thí điểm đầu tư theo hình thức hợp tác công - tư là văn bản pháp lý quan trọng cho việc thu hút mạnh mẽ hơn các nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân cho việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ công tại Việt Nam.

Mô hình HTCT là hình thức đầu tư được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng thành công. Kinh nghiệm thế giới cho thấy, nhờ áp dụng mô hình HTCT mà nhiều vấn đề bức xúc của nhiều đô thị lớn đã được giải quyết như tình trạng ùn tắc giao thông, cung cấp nước, tạo việc làm cho người lao động. Do đó, việc nghiên cứu triển khai mô hình HTCT trong lĩnh



Toàn cảnh Hội thảo

vực thoát nước nói riêng là rất cần thiết, nhất là trong bối cảnh việc áp dụng mô hình trong giao thông và nhiều lĩnh vực dịch vụ công khác đã được đề cập nhiều trong khi đó những nghiên cứu áp dụng mô hình trong thoát nước còn rất khiêm tốn.

Tại Hội thảo, các chuyên gia đến từ Nhật Bản đã trình bày những kinh nghiệm về áp dụng mô hình HTCT trong lĩnh vực thoát nước ở Nhật Bản và báo cáo kết quả bước đầu của 2 nhóm nghiên cứu của JICA về mô hình HTCT áp dụng cho Hà Nội thông qua dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải Yên Xá, Hà Nội.

Tại Nhật Bản, mô hình HTCT đã và đang được triển khai tại 14 dự án tái sử dụng khí sinh học cho sản xuất nhiệt và điện, chế biến bùn thải của nhà máy xử lý nước thải thành nhiên liệu cung cấp cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy sản xuất giấy.

Tại các nước như Mỹ, Nhật Bản, chính phủ và các chính quyền địa phương đều có chính sách hỗ trợ việc phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tại các địa phương. Chính phủ Nhật Bản, ngoài việc trợ cấp trực tiếp cho chính quyền địa phương, còn thành lập một tổ chức tài chính gọi là Quỹ đặc biệt của Chính phủ nhằm thông qua tổ chức này cung cấp các khoản vốn vay cho chính quyền địa phương

thực hiện các dự án phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải. Chính phủ Mỹ phối hợp với chính quyền địa phương và các ngân hàng tư nhân thành lập tổ chức tài chính gọi là Quỹ quay vòng nước sạch của Bang hay còn gọi là Quỹ đặc biệt của chính quyền Bang và thông qua tổ chức này cung cấp vốn cho địa phương trong thực hiện các dự án phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

Nghiên cứu về sự tham gia của khu vực tư nhân trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải tại Nhật Bản và một số nước cho thấy ngoài sự tham gia của khu vực công là Chính phủ và chính quyền các địa phương còn có sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua một pháp nhân đặc biệt do các công ty tư nhân thành lập với mục tiêu là thực hiện việc xây dựng (kể cả khôi phục và mở rộng) và quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống cấp nước và thoát nước, xử lý nước thải (toàn bộ hoặc một số công đoạn trong nhà máy xử lý nước thải). Trong khi nhà nước cấp vốn cho các khoản đầu tư ban đầu thì pháp nhân đặc biệt được thành lập nhằm thu hút công nghệ và kinh nghiệm của khu vực tư nhân cho việc quản lý hiệu quả hơn đối với hoạt động thoát nước và XLNT.

Có thể nêu ra một vài ví dụ về sự HTCT trong thoát nước ở một số quốc gia. Tại Manila (Philippin) hệ thống cấp thoát nước đã được xây dựng bằng sự hỗ trợ vốn của Chính phủ cho chính quyền địa phương; việc khôi phục và mở rộng hệ thống này cũng như việc quản lý hệ thống do pháp nhân đặc biệt thực hiện. Tại Trung Quốc, Mêhicô và Singapore, hệ thống đường ống thoát nước là do Chính phủ hỗ trợ vốn cho chính quyền địa phương xây dựng còn nhà máy xử lý nước thải do pháp nhân đặc biệt xây dựng và quản lý việc vận hành, bảo dưỡng (thông qua hợp đồng ký với chính quyền địa phương). Tại Nhật Bản, mô hình HTCT chỉ áp dụng cho một vài công đoạn của một nhà máy xử lý nước thải như xử lý bùn thải và tái sử dụng khí sinh học thành nhiên liệu cung cấp cho sản xuất nhiệt và phát điện.

Việc áp dụng mô hình HTCT ở Nhật Bản cho thấy, với sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua pháp nhân đặc biệt, chính quyền địa phương không phải cung cấp vốn cho pháp nhân đặc biệt do vậy không gặp phải tình trạng nợ vốn. Sự hỗ trợ của Chính phủ sẽ được tập trung vào việc giảm chi phí khu vực dịch vụ công. Trong khi đó khu vực tư nhân sẽ đóng góp vốn, kinh nghiệm và sự hiểu biết của mình về thi công, vận hành và quản lý nhà máy xử lý nước thải thông qua sự tham gia của pháp nhân đặc biệt.

Ưu điểm của mô hình Nhật Bản trong việc giao thầu cho doanh nghiệp tư nhân thực hiện công tác vận hành và bảo dưỡng nhà máy xử lý nước thải là hạn chế được việc thành lập thêm các tổ chức mới, tăng cường năng lực cho khu vực tư nhân và tận dụng các bí quyết của khu vực này, còn chính quyền địa phương có điều kiện tập trung và thực hiện các dịch vụ mà họ có quyền điều tiết.

Theo báo cáo của nhóm nghiên cứu JICA, Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá được thiết kế phục vụ khoảng 900.000 dân, phạm vi dịch vụ 4.874 ha, tổng chiều dài đường ống là 27.641m công suất xử lý đạt 270.000 m³ nước thải/ngày.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tổng chi phí xây dựng ban đầu của nhà máy bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt mạng lưới đường ống thoát nước, xây dựng nhà máy xử lý nước thải và công đoạn tái chế bùn thải. Các chi phí này sẽ được bù đắp bằng hỗ trợ vốn của Chính phủ và vốn của UBND thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do lượng vốn đầu tư ban đầu lớn trong khi đó nguồn thu từ phí xử lý nước thải chỉ có thể bù đắp chi phí vận hành, bảo dưỡng, không đủ khả năng thanh toán vốn đầu tư ban đầu. Vì lý do đó, chuyên gia JICA đã đề xuất áp dụng mô hình HTCT để đầu tư xây dựng nhà máy.

Theo mô hình HTCT áp dụng cho nhà máy xử lý nước thải Yên Xá, các công ty tư nhân sẽ thành lập một pháp nhân đặc biệt thực hiện đầu tư, xây dựng và quản lý vận hành, bảo dưỡng nhà máy còn hệ thống đường ống sẽ được xây

dựng bằng vốn của Chính phủ và UBND thành phố Hà Nội (do JICA tài trợ). Vốn của pháp nhân đặc biệt sẽ do Quỹ đầu tư khu vực tư nhân PSIF của JICA và các công ty tư nhân cung cấp kết hợp với khoản trợ cấp của UBND thành phố dành cho việc thanh toán một phần chi phí xây dựng. Quỹ đầu tư khu vực tư nhân có thể đáp ứng cao nhất là 70% chi phí đầu tư của pháp nhân đặc biệt.

Phát biểu kết luận Hội thảo TS. Nguyễn Hồng Tiến đã đánh giá cao những kinh nghiệm của Nhật Bản về mô hình HTCT trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải được chia sẻ tại Hội thảo. Mô hình nhà máy xử lý nước thải tại Hà Nội do các chuyên gia JICA trình bày rất hữu ích và cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh nhằm đề xuất với UBND thành phố Hà

Nội xem xét và quyết định. Theo T.S Nguyễn Hồng Tiến, Hội thảo này đã tạo điều kiện cho việc đánh giá và nhìn nhận mô hình HTCT một cách thích hợp hơn, tìm ra hình thức quản lý và vận hành hệ thống thoát nước nói chung, nhà máy xử lý nước thải nói riêng phù hợp với điều kiện cụ thể và thực tế ở địa phương, tìm kiếm mô hình thích hợp giúp Hà Nội đưa nhà máy xử lý nước thải Yên Xá đi vào hoạt động hiệu quả.

Từ năm 2010, Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác về lĩnh vực thoát nước. Một trong những nội dung của Biên bản hợp tác là áp dụng mô hình HTCT trong quản lý thoát nước.

Huỳnh Phước

Penetron - giải pháp chống thấm hiệu quả

2005 - 2006. CHLB Nga. Nhà máy thủy điện Saiano – Shushenskaya

Đập thủy điện Saiano - Shushenskaya được xây dựng xong vào năm 2001. Công trình này trong quá trình xây dựng đã sử dụng các vật liệu chống thấm tiêu chuẩn. Đến năm 2003, đập có hiện tượng thấm và đã được xử lý chống thấm trong các năm 2005-2006 bằng sản phẩm công nghệ của Công ty TNHH ICS/ Penetron International. Việc chống thấm được thực hiện ở hầm cấp, bảo vệ và sửa chữa các bề mặt, sử dụng các tấm chống thấm đỉnh đập và sửa chữa các kênh dẫn nước. Từ đó tới nay, chưa xuất hiện yêu cầu tiến hành các công việc tương tự đối với đập thủy điện này.

2001. CHLB Nga. Nhà máy điện hạt nhân Beloyarskay. Bể chứa của khu năng lượng số 2

Ban đầu, bể chứa này được dự định chế tạo bằng thép không gỉ dày 20 mm, nhưng về sau nó được làm bằng thép thường, dày 10mm và có phủ một lớp chống ăn mòn đạt tiêu chuẩn. Từ năm 2000, quanh thành bể bắt đầu thấy xuất hiện hiện tượng rò rỉ .

Năm 2001, công tác chống thấm bể chứa này được tiến hành với công nghệ chống thấm của Cty ICS/ Penetron Int. Các vật liệu chống thấm của Cty Penetron không những có tính năng chống thấm nổi trội mà còn bền vững trong các môi trường có hoạt độ phóng xạ cao. Do những vật liệu này không có thành phần hữu cơ (rất nhạy cảm với phóng xạ), có độ tin cậy cao, dễ áp dụng nên Lãnh đạo nhà máy đã quyết định sử dụng chúng để thực hiện công việc sửa chữa

Sau những hướng dẫn cần thiết, công việc sửa chữa được tiến hành bởi các công nhân của nhà máy điện hạt nhân Beloyarskay - những người đã được huấn luyện về các công việc trong khu vực này. Các chuyên gia của công ty Penetron theo dõi quá trình sửa chữa qua các màn hình. Trong quá trình khắc phục, để chặn các dòng thấm lớn, người ta sử dụng các loại vật liệu Penetron, WaterPlug™ và PenePlug™, vật liệu trám khe PeneCrete™ cũng được áp dụng.

Sản phẩm Penetron có thể sử dụng trong cả những trường hợp mà các vật liệu khác không thể khắc phục được.

Sản phẩm Penetron hoạt động theo nguyên lý khác. Thông thường, việc chống thấm là tạo ra khả năng chống thấm của bề mặt. Khi xử lý chống thấm bề mặt bê tông phẳng, vật liệu Penetron tạo ra một lớp bảo vệ có khả năng ngăn cản nước thâm nhập. Điểm yếu của tất cả loại vật liệu chống thấm là vấn đề thời gian. Ngay cả khi được xử lý cẩn thận nhất, chúng cũng khó có khả năng bảo vệ bề mặt sau thời gian 2-3 năm. Sau thời gian đó (thường thì sớm hơn), các công việc chống thấm cần được tiến hành lại từ đầu. Về điều này có thể hiểu rằng, để sửa chữa các công trình ngầm chỉ có thể thực hiện bên trong, và điều này làm trầm trọng thêm vấn đề. Thứ nhất là, những cố gắng sử dụng vật liệu che phủ bề mặt trong trường hợp này sẽ gợi nhớ đến việc hàng năm phải trám bít các chỗ thấm. Thứ hai, thời hạn hoạt động của các lớp chống thấm bề mặt trong các trường hợp này sẽ bị giảm đáng kể, bởi vì lớp phủ này chịu áp lực nước rất kém, nhất là đối với bề mặt bê tông. Trong trường hợp này, dòng thấm sẽ làm bong vật liệu ra khỏi bề mặt được bảo vệ, cũng đồng nghĩa với việc giảm đáng kể thời hạn sử dụng nó.

Cần nhớ rằng, các vật liệu phủ bề mặt không thể giải quyết triệt để vấn đề thấm, chúng chỉ tạo khả năng chống chọi với thời gian. Công nghệ Penetron là có thể giúp giải quyết vấn đề này một cách triệt để. Bởi vậy, khi có nước trong tầng hầm, có thể sử dụng một trong những biện pháp sau:

1. Chịu đựng chuyện nước đọng thành vũng trong hầm và không làm gì cả.
2. Đặt máy bơm có công suất mạnh và thường xuyên bơm nước, còn nếu muốn có một căn hầm khô ráo thì chỉ có cách là làm sàn giả.
3. Hàng năm vá các lỗ thủng bằng các vật liệu chống thấm bề mặt, và cứ mỗi khi xuân về lại đợi “con nước lớn”.
4. Sử dụng vật liệu Penetron, chỉ một lần và có tác dụng dài lâu.

Nhiệm vụ của tất cả các loại vật liệu chống

Nhiệm vụ của tất cả các loại vật liệu chống

thấm bề mặt là không cho nước tiếp xúc trực tiếp với bề mặt cần chống thấm. Tất cả chúng đều phát huy tác dụng trong điều kiện gắn kết tốt với bề mặt. Do đó, việc áp dụng chúng đòi hỏi sự cẩn trọng và đầu tư công sức đặc biệt trong khi tuân thủ mọi điều kiện cần thiết.

Penetron có nguyên tắc chống thấm khác với các loại vật liệu chống thấm khác,

1. Penetron hoạt động không phải trên bề mặt, mà bên trong bê tông.

2. Thời hạn hoạt động của vật liệu trùng với thời hạn tồn tại của bê tông, do vậy không cần lặp lại công việc.

Tất cả những điều trên đạt được là nhờ thành phần hóa học tuyệt vời của Penetron

Trước hết, các thành phần hóa học của Penetron thấm sâu vào bên trong bê tông. Thực hiện điều này không khó, vì vốn dĩ bê tông có cấu tạo hút ẩm. Để các thành phần hóa học dễ dàng thấm sâu hơn vào bê tông, trước khi đưa loại vật liệu này lên bề mặt bê tông cần làm ẩm nó. Nếu bê tông đã phải chịu áp lực nước bên trong (như ở trong hầm), điều này chẳng những không ngăn cản việc thấm, mà trái lại còn hỗ trợ cho quá trình này. Phương án lý tưởng là khi các thành phần hóa học được bổ sung vào hỗn hợp bê tông ngay trong giai đoạn sản xuất bê tông. Chất phụ gia Penetron Admix được ứng dụng cho việc này và mang lại hiệu quả lớn hơn gấp nhiều lần.

Các thành phần hóa học của Penetron, dưới tác động của nước, sẽ tham gia phản ứng hóa học với tổ hợp ion của can xi và nhôm, các ô xit và muối kim loại có trong thành phần bê tông để tạo ra các tinh thể không hòa tan phát triển trong bê tông. Các tinh thể này có thể phát triển về thể tích để có thể hàn gắn các khe nứt, đồng thời làm tăng độ bền chắc của bê tông

Hiệu quả của việc sử dụng Penetron

Việc ứng dụng Penetron phụ thuộc rất nhiều vào sự tuân thủ các điều kiện xử lý bề mặt bê tông. Lấy loại bê tông điển hình mác M300 có mức chống thấm thấp nhất Wo làm ví dụ: sau khi quét Penetron lên bề mặt, con số này tăng

lên thành W10 - đủ để chịu áp suất của cột nước ở độ sâu 80m. Bên cạnh đó, các đặc tính bền vững của bê tông cũng tăng thêm 8%. Nếu như các thông số ban đầu của bê tông được cải thiện tốt hơn, tức là các tính chất chống thấm và tính bền vững của bê tông sẽ tăng lên đáng kể.

Penetron có thể hiện thực hoá nhiều việc, nhưng không phải là làm được tất cả. Nếu bê tông được sử dụng ban đầu ở mác M100 thì tình hình không thể cứu vãn.

Chống thấm cho các hầm chứa của các công trình hiện hữu

Nếu tình trạng các kết cấu bê tông không quá tồi, thì có thể sử dụng công nghệ Penetron để chống thấm cho các tầng hầm. Khi bắt đầu công việc cần tiến hành khảo sát hiện trạng công trình. Cần xác định rõ tình trạng bê tông. Ngoài ra, đôi khi (dù điều này cũng ít xảy ra) có thể gặp những lỗi cơ bản về thiết kế. Tất cả những việc trên có thể ảnh hưởng đến giá thành và tính toàn vẹn khi tiến hành các công việc.

Nếu tình trạng của công trình đang tu bổ không có gì đáng phàn nàn, trình tự các bước thông thường có thể tiến hành như sau:

1. Đánh giá công trình.

2. Làm khô tầng hầm. Trong trường hợp nghiêm trọng hơn, khi có hiện tượng rò rỉ đáng kể của cột nước và không thể bơm nước, có thể áp dụng vật liệu WaterPlug để bịt kín những chỗ rò ngay từ dưới mặt nước. Để thực hiện

công việc này, trước hết cần xác định vị trí rò rỉ cụ thể, khoá nó lại sau khi «nút» bằng WaterPlug trong vòng 2 phút, khi chất này còn chưa ngưng kết.

3. Kiểm tra trực quan công trình. Sau khi làm khô tầng hầm, tiến hành xác định lần cuối các công việc; đánh giá tình trạng tường và sàn. Kinh nghiệm cho thấy, tình trạng của sàn thường kém hơn tình trạng tường.

4. Khắc phục tất cả các kẽ nứt lớn (lớn hơn 0,4mm). Cần hiểu rằng, Penetron bịt kín các kẽ nứt và không để xuất hiện các kẽ mới, tuy nhiên các khe nứt lớn đã hình thành lại được cô lập bởi vật liệu khác cũng thuộc dòng Penetron – Penekrit. Các khe nứt lớn trên tường và sàn được cô lập như sau: tại vị trí nứt tạo góc vuông có kích thước 30 x 30mm. Penetron được quét lót, sau đó người ta dùng Penekrit bịt kín lại.

5. Xử lý mối nối giữa các khối bê tông. Để bịt kín một cách an toàn cho các tầng hầm cần xử lý an toàn các mối nối giữa các khối bê tông. Tại vị trí nối tạo góc vuông tương tự như trên, và quy trình trên được lặp lại.

6. Quét lên bề mặt bê tông bằng vật liệu Penetron. Sau khi xử lý các khe nứt lớn, dùng Penetron quét lại toàn bộ bề mặt tầng hầm.

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 22/2011

ND: Lê Minh

Nhà thông minh - ngôi nhà của thế kỷ XXI

Thời gian gần đây, người ta bàn rất nhiều đến các phát minh đang ngày càng vững bước tiến sâu vào lĩnh vực xây dựng. Một trong những phát minh đó là nhà thông minh, mô hình nhà đã phát triển rộng khắp ở nhiều nước trên thế giới, và cũng đang xuất hiện tại Nga.

Ví dụ, tại quận Zhulebinon nằm ở phía đông nam Moskva, một ngôi nhà đã được xây với hệ thống bên trong hoàn toàn do máy tính điều khiển. Ngôi nhà thông minh này cài đặt hệ thống cung cấp năng lượng nhờ việc sử dụng

công nghệ thông tin. Các bộ cảm biến đặc biệt theo dõi nhiệt độ trong các phòng và hỗ trợ cho việc phát hiện thất thoát nhiệt (rò nhiệt). Số liệu của các đồng hồ đo (công tơ) sẽ được đưa về và xử lý tại Trung tâm điều khiển.

Theo ông Iuri Tabunshikov, Chủ tịch Trung tâm phi thương mại AVOK - nơi khởi nguồn việc xây dựng các toà nhà thông minh tại Nga – thuật ngữ « nhà thông minh» xuất hiện lần đầu tiên tại Mỹ vào đầu thập kỷ 70 thế kỷ XX. Tại Nga, những ngôi nhà như thế trước kia được gọi

là «nhà vĩn cửu». Nhà thông minh là tên gọi về sau này. Tất nhiên, xây dựng những ngôi nhà này là một công việc tốn kém. Nhưng hiện nay, số người giàu ở Nga đang tăng lên, họ muốn sống theo một cách đặc biệt. Bởi vậy, không phải ngẫu nhiên mà rất nhiều người tích cực tìm đến với bất động sản thông minh, trong các ngôi nhà thông minh việc quản lý hoàn toàn phó thác cho những bộ não điện tử.

Nhờ hệ thống như vậy, có thể dễ dàng kiểm soát và quản lý mọi mặt, từ chiếu sáng, nhiên liệu, hệ thống thông gió, hệ thống nước, an ninh, các máy nghe - nhìn cũng như các hệ thống kỹ thuật khác nhờ có bàn điều khiển, hay thậm chí điện thoại cầm tay và Internet. Bên cạnh đó, bộ não điện tử còn quản lý toàn bộ vòng đời của công trình như một thể thống nhất: nhận biết mọi tình huống cụ thể xảy ra trong ngôi nhà, điều chỉnh bằng những phương thức thích hợp, bảo đảm các hệ thống hoạt động một cách hoàn hảo, bảo đảm chế độ “không gian bên trong” tối ưu của công trình và chế độ hợp lý về nhu cầu năng lượng (ánh sáng, nước, điện). Ý tưởng cơ bản “nhà thông minh” là sự tích hợp các hệ thống điều khiển các chức năng trong một ngôi nhà thành một tổ hợp thống nhất. Ví dụ: có thể kết nối tất cả các phương tiện nghe - nhìn của căn hộ, sau đó điều khiển nó từ bất cứ phòng nào: tải phim-nhạc, giao lưu với mọi người trong các căn nhà khác, hoặc trong chính ngôi nhà đó, nhờ có hệ thống nghe - nhìn. Có thể lắp đặt thiết bị đặc biệt và thực hiện việc giám sát đầy đủ toàn bộ căn hộ, toàn bộ ngôi nhà cũng như từng căn phòng. Bên cạnh đó, mọi thông tin nghe - nhìn có thể được tiếp nhận không chỉ ở chế độ hiện tại, mà còn ở chế độ ghi lại; dù bạn ở bên trong hoặc bên ngoài ngôi nhà. Các hệ thống của ngôi nhà thông minh tự đưa ra tín hiệu báo động và thông báo từ xa tới bạn về một đường ống dẫn nước nào đó bị vỡ, về chiếc bàn là chưa rút điện, về hệ thống đèn, bếp ga, các cửa quên chưa đóng hoặc cửa sổ bị vỡ, về sự xâm phạm chế độ khí

hậu đã được đặt sẵn hay sự cố hỏng hóc trong hệ thống cung cấp điện. Nhà thông minh có thể tự động kéo rèm, điều chỉnh độ sáng của đèn, tắt TV trong phòng ngủ của trẻ em về ban đêm, duy trì chế độ khí hậu được cài đặt sẵn trong từng phòng của căn hộ, thậm chí có thể tưới cây trong vườn.

Các chuyên gia khẳng định, không có gì đơn giản hơn việc quản lý hệ thống nhà thông minh. Nhưng sự giản đơn này được thiết lập nhờ các máy móc điện tử phức tạp, hệ thống duy trì một chương trình đặc biệt và công việc tỉ mỉ kéo dài của các kỹ sư tài năng. Nếu tưởng tượng hệ thống một cách giản đơn, thì hệ thống được hình thành từ bộ máy trung tâm có chức năng thu nhận các tín hiệu từ tất cả các thiết bị. Được xử lý nhờ hệ thống duy trì chương trình đặc biệt, tín hiệu nhận được sẽ được chuyển đi để thực hiện bằng những thiết bị khác.

Các thiết bị thực hiện có thể tiếp nhận các tín hiệu theo mạng điện thông thường, theo tia hồng ngoại hay kênh bán dẫn nhờ bàn điều khiển, phương tiện điện thoại có dây hoặc là Internet. Các tín hiệu được thu nhận được thi hành ngay lập tức: nhà thông minh lúc này có thể mở cửa ga - ra, bật máy điều hoà ở chế độ cần thiết, điều chỉnh nhiên liệu hoặc nhiệt độ nước trong bể bơi... Để hoạt động, phần lớn thiết bị được nối với công tắc điện. Sự trao đổi thông tin giữa các hệ thống của nhà thông minh sẽ diễn ra theo mạng điện thông thường hoặc kênh bán dẫn. Tổ hợp tự động đơn giản có khả năng điều hành hàng trăm thiết bị máy móc khác nhau. Không có một tiêu chuẩn thống nhất: hệ thống nhà thông minh có thể dựa trên cơ sở nhiều phương án kỹ thuật khác nhau. Lựa chọn phương án cụ thể trong số đó sẽ được thực hiện riêng bởi những người tham gia làm từng công trình, đồng thời việc chọn lựa này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: các đặc tính của công trình tự động hoá, khối lượng các chức năng mà hệ thống cần thực hiện, cũng như yêu cầu riêng của từng cá nhân đặt hàng.

Ngày nay, thiết kế nhà thông minh có thể được hiện thực hóa dựa vào một số công nghệ khác nhau, mà mỗi công nghệ lại có kiến trúc riêng của mình, có tập hợp các chức năng và những phương pháp khác nhau để trao đổi thông tin giữa các thiết bị máy móc. Nhiều công ty sản xuất các hệ thống theo tiêu chuẩn hiện hành, một số công ty đã đi theo con đường độc lập và ứng dụng cách thức riêng để xây dựng hệ thống của nhà thông minh. Thị trường nội địa hiện đang sử dụng thiết bị sản xuất ở nước ngoài là chính. Hầu như tất cả các kỹ thuật viên IT - thiết bị, đồ điện và đồ kỹ thuật gia dụng... đều đề xuất phổ biến rộng rãi các sản phẩm được chế tạo đặc biệt dành cho những ngôi nhà thông minh.

Thị trường mới mẻ này đương nhiên còn nhiều vấn đề cần bàn tới. Một trong những vấn đề đó là thiếu đội ngũ nhân viên có trình độ. Những người mong muốn tổ chức một hình thức tương tự với mục đích kinh doanh lại phải đối

mặt với vấn đề tài chính khổng lồ dành cho việc đào tạo nhân sự.

Một thực tế rõ ràng là trong tất cả các trường đại học xây dựng trên cả nước, giờ đây các sinh viên không chỉ được biết về những ngôi nhà thông minh, mà còn tự thiết kế chúng. Những thành tích đặc biệt thuộc về trường Đại học Xây dựng quốc gia Moskva. Có thể nói, ngày nay trường đại học danh tiếng này đã trở thành trung tâm đầu não trong việc thiết kế xây dựng những « siêu nhà » có thể đáp ứng mọi yêu cầu của người tiêu dùng.

Những cái mới đương nhiên chưa phải là nhiều, nhưng không thể không vui mừng với những thành tựu đó. Bởi vì chúng ta đều đang cố gắng bước đi kịp thời đại, và điều đó sẽ đem lại cho chúng ta một cuộc sống thoải mái hơn.

Vladimir Klimov

Nguồn : Báo Xây dựng Nga số 20/2011

ND: Lê Minh

Chú trọng phục hồi trong công tác cải tạo các khu phố cũ - kinh nghiệm của Thành phố Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc

Về bản chất, sự xuống cấp của các khu phố cũ đồng nghĩa với chức năng của các khu phố đó bị xáo trộn trong quá trình phát triển, làm cho kinh tế, cấu trúc và hình tượng đô thị bị suy thoái. Việc cải tạo các khu phố cũ cần nhằm mục tiêu tái sinh hoặc phục hồi sức sống kinh tế, phục hưng một phần chức năng và địa vị xã hội đã mất. Cải tạo khu phố cũ không chỉ là nâng cấp cảnh quan đô thị, cải thiện điều kiện cư trú và môi trường sinh hoạt cho cư dân, mà còn cần phải chú trọng cấu trúc lại chức năng của khu phố, khiến cho nó có sức hấp dẫn về tổ chức việc làm và phương thức sinh hoạt mới. Trong bài viết này, tác giả đã kết hợp khảo sát thực tế, phân tích nguyên nhân gây ra sự xuống cấp của Khu phố cũ Tam Châu, Khu Cao Minh,

thành phố Phật Sơn, tỉnh Quảng Đông, để xuất các dự án cải tạo, bao gồm quy hoạch mục tiêu phát triển, chiến lược phục hồi, bố cục không gian và lựa chọn địa điểm phục hồi.

I. Tình hình chung của dự án

Tài nguyên đất của thành phố Phật Sơn rất khan hiếm đã làm xuất hiện yêu cầu về sử dụng hiệu quả quỹ đất, do đó, thành phố Phật Sơn đã đề ra các kế hoạch đẩy mạnh cải tạo các thị trấn cũ, nhà máy cũ và khu cư trú nông thôn cũ.

Khu Cao Minh của thành phố Phật Sơn là khu vực khá lạc hậu về kinh tế những vẫn giữ được những điều kiện tự nhiên rất tốt, bao gồm hệ thống núi, rừng, sông ngòi vẫn được bảo tồn gần như nguyên vẹn - rất hiếm thấy ở khu vực đồng bằng sông Châu Giang hiện nay.

Thị trấn Tam Châu nằm ở phía tây khu Cao Minh, phía Đông giáp sông Cao Minh, phía Nam giáp “khu phong cảnh Tây Ngạn” của Quảng Đông, nơi có môi trường tự nhiên đẹp đẽ, có nhiều sông ngòi, làm nổi bật nét đặc sắc của vùng sông nước Lĩnh Nam.. Khu phố cũ Tam Châu vốn là khu trung tâm thương mại và cư trú của thị trấn Tam Châu, nhưng nay đã trở nên lạc hậu do thời đại thay đổi, không khí thương mại và chất lượng môi trường cư trú đều giảm sút nhiều, thiếu sức sống.

Khu Cao Minh được xác định là khu thí điểm đẩy mạnh cải tạo thị trấn cũ, nhà máy cũ và khu cư trú nông thôn cũ Phật Sơn, xây dựng “đô thị non xanh, nước biếc, rừng thẳm”. Cao Minh đã khởi động dự án cải tạo khu phố cũ Tam Châu, cải tạo chỉ là biện pháp, phục hồi mới là mục đích. Về ý nghĩa của từ ngữ, phục hưng tức là tái phát triển, Tam Châu đã có thời kỳ phát triển thịnh vượng nhưng nay đang bị suy thoái, cần phải thông qua cải tạo, xây dựng để khiến cho Tam Châu hưng thịnh trở lại. Quy hoạch cải tạo không thể chỉ chú trọng cải thiện cảnh quan đô thị, sử dụng hợp lý đất đai và bảo đảm trật tự xã hội, mà còn cần phải phân tích nguyên nhân suy thoái của nó, xử lý tổng hợp mối quan hệ giữa hình thái xây dựng, hình thái xã hội và hình thái kinh tế, đề ra mục tiêu phát triển và đối sách, lộ trình phục hồi, chú trọng tới việc xây dựng lại không gian chức năng và lựa chọn địa điểm phục hưng, kích thích sức sống nội tại của nó, thúc đẩy khu vực phát triển lành mạnh.

II. Phân tích nguyên nhân suy thoái của Tam Châu

1. Nguyên nhân địa lý tự nhiên

Thị trấn Tam Châu nằm ở vùng ven thành phố Phật Sơn, mối liên hệ với khu nội thành bị ngăn cách bởi sông Cao Minh - dòng sông mang tính khu vực, giao thông qua sông rất bất tiện, dòng sông trở thành rào cản phát triển, ranh giới giữa thành thị và nông thôn.

2. Thế yếu trong cạnh tranh thị trường

Trước đây, Tam Châu là một thị trấn tương đối bị cô lập, hoạt động kinh tế chủ yếu là tự

cung, tự cấp, chịu rất ít ảnh hưởng của bên ngoài. Do kinh tế thị trường phát triển, sự cạnh tranh giữa thị trấn Tam Châu và khu phố Hà Thành (nội thành thành phố Phật Sơn) ngày càng gay gắt, dịch vụ thương mại truyền thống ở vào thế yếu trong cạnh tranh, ưu thế thương mại bị Hà Thành chiếm mất, thương nghiệp Tam Châu bị suy thoái. Thương nghiệp và các dịch vụ đồng bộ hữu quan không hoàn thiện cũng khiến cho sinh hoạt của nhân dân địa phương thêm khó khăn. Thêm vào đó, tâm lý vào thành phố làm ăn thúc đẩy nhiều cư dân Tam Châu đổ xô vào Hà thành, do bị thất thoát nhiều cư dân và của cải, khu trung tâm thị trấn Tam Châu dần bị suy thoái nghiêm trọng.

3. Ngược lại với hướng phát triển đô thị

Hướng phát triển đô thị chủ yếu của khu Cao Minh là phát triển về phía Đông và Bắc, điều này ngược hướng với Tam Châu. Công tác xây dựng công trình hạ tầng của khu vực hữu quan cũng tăng cường mối liên hệ giữa vùng phía bắc Cao Minh và các khu vực kinh tế phát triển như Quảng Châu, Phật Sơn..., luôn ưu tiên phát triển vùng phía bắc, khiến cho Tam Châu lùi dần vào lạc hậu.

III. Những biện pháp phục hồi trong quy hoạch cải tạo

1. Chú trọng kế hoạch mục tiêu phát triển và chiến lược phục hồi

Quy hoạch cải tạo thuộc về phạm trù quy hoạch chi tiết, nghiêng về bố cục không gian, xử lý ô nhiễm môi trường và ước tính hiệu quả kinh tế khi dỡ bỏ xây dựng lại, xem nhẹ kế hoạch mục tiêu phát triển và lựa chọn chiến lược phục hồi. Mù quáng tiến hành và xây dựng lại theo kiểu “loại bỏ và xây dựng lại” sẽ không thể đem lại sức sống nội tại và liên tục cho khu vực này. Vì thế, cần phải phân tích rõ nguyên nhân suy thoái, nét đặc sắc và điều kiện phát triển của khu vực, mục tiêu tổng hợp của khu vực, xác định thống nhất mục tiêu phát triển và định vị chức năng cho khu vực cải tạo phục hồi, để đưa ra sách lược phục hồi hữu hiệu.

Chính quyền địa phương cũng đã nghiên

cứu triệt để cải tạo khu vực thị trấn Tam Châu, phát triển với quy mô lớn ngành thương mại và nhà đất, xây dựng một thành phố mới ở khu vực phía Tây. Nhưng thị trấn Tam Châu nằm ở vùng ven, liên hệ giao thông với nội thành bất tiện, hơn nữa lại nằm ngược hướng phát triển của Thành phố Phật Sơn nên rất khó thực hiện mục tiêu này. Thị trấn nằm kề với khu phong cảnh Tây Ngạn, cách các thành phố như Quảng Châu, Phật Sơn, Giang Môn... khoảng 80 km, phù hợp với ý tưởng xây dựng khu du lịch “1,5 giờ”. Vì vậy, công tác cải tạo phát triển thị trấn phải triệt để tận dụng ảnh hưởng của khu phong cảnh Tây Ngạn, khu du lịch nông thôn giàu nét đặc sắc để phát triển ngành du lịch giải trí đồng bộ, thông qua đó thúc đẩy ngành nhà đất khu vực này phát triển.

Quy hoạch phát triển tổng hợp du lịch, nhà đất và sinh thái sẽ định vị mục tiêu phát triển là xây dựng thành “đô thị non xanh, nước biếc, rừng thẳm” ở vùng ven đô thị, trọng điểm xây dựng khu phát triển tổng hợp du lịch và nhà đất, khu nghỉ dưỡng. Qua đó, đưa ra sách lược phục hồi tương ứng:

a) Phát triển bổ sung cho khu nội thành phía Đông. Trước hết, định vị bổ sung ngành dịch vụ. Thị trấn Tam Châu xác định mục tiêu trọng điểm là phát triển dịch vụ thương mại đặc sắc, hình thành các khu phố thương mại, phố đi bộ, phát triển các cơ sở hạ tầng phục vụ dịch vụ du lịch và nghỉ dưỡng, tăng cường tính độc đáo của các công trình nhà ở.

b) Liên kết phát triển với khu phong cảnh Tây Ngạn ở phía nam, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Trước hết, liên kết đồng bộ với công trình du lịch. Khu cảnh quan Tây Ngạn có ưu thế chủ yếu là du lịch cảnh quan tự nhiên, điều kiện đất xây dựng và môi trường tự nhiên của khu Tam Châu rất thuận lợi, có thể xây dựng công trình phục vụ du lịch như nhà nghỉ, các công trình vui chơi, giải trí, phục vụ ăn uống... Vùng phía Bắc của Tam Châu có thể phát triển du lịch nông thôn.

c) Tăng cường xây dựng hai bờ sông Cao minh. Xây dựng cầu vượt sông, tăng cường mối

liên hệ giữa hai bờ, kết hợp với hoàn thiện công trình thủy lợi, xây dựng trọng điểm hai bờ sông, phục hưng lại hình tượng và chức năng của con sông, khiến cho hai bên bờ trở thành khu du lịch sông nước đặc sắc.

2. Quy hoạch cần chú trọng việc xây dựng lại chức năng, kế hoạch hành động phải lựa chọn địa điểm phục hưng.

Về chức năng sử dụng mới do mục tiêu phát triển đem lại, trên cơ sở phân khu chức năng hợp lý, quy hoạch cần chú trọng hợp nhất nhiều chức năng, xây dựng lại chức năng của chúng. Cơ cấu chức năng của quy hoạch thị trấn Tam Châu là “một trung tâm, một hành lang, hai vành đai, bốn khu”. Trong đó, một trung tâm là trung tâm phục vụ công cộng và nghỉ mát đô thị; một hành lang là hành lang sinh thái sông nước dọc theo sông Cao Minh; hai vành đai: các vành đai thương mại dọc theo đường Bách Linh và đường Bích Quế; bốn khu: bốn khu chức năng tức là khu nông nghiệp và khu cư trú sinh thái cao cấp phía nam, công viên văn hóa phía đông và khu cư trú Tân Thủy. Kế hoạch hành động chú trọng việc lựa chọn địa điểm tiến hành phục hưng. Xét từ góc độ không gian, từ các điểm đo có thể thúc đẩy toàn khu vực phục hưng, xây dựng các công trình du lịch văn hóa cũng có thể kích thích triển khai nhiều hoạt động mang nét đặc sắc, tái tạo tinh thần khu vực, tăng cường sức sống khu vực. Các điểm phục hưng trong quy hoạch thời kỳ đầu là xây dựng khu trung tâm công cộng và công trình du lịch văn hóa.

a) Xây dựng lại trung tâm công cộng, tăng cường sức sống. Trung tâm công cộng là nhân tố giàu tiềm lực nhất. Thông qua cải tạo xây dựng trung tâm công cộng, quy hoạch tập trung sức sống thúc đẩy các vùng xung quanh phục hưng. Cải tạo trung tâm thị trấn Tam Châu cũ thành trung tâm phục vụ công cộng và nghỉ mát đô thị. Theo mô hình sử dụng đất theo hướng thương mại và nghỉ ngơi, quy hoạch chú trọng sử dụng tổng hợp đất đai, tầng dưới công trình xây dựng được dùng cho mục đích kinh doanh

thương mại, vui chơi, ăn uống, tầng trên dùng làm nhà ở hoặc văn phòng. Thông qua các công trình xây dựng đa công năng, thúc đẩy hoạt động công cộng lấy con người làm gốc; quy hoạch còn triệt để tôn trọng quy luật đô thị, thực hiện tính đa dạng hóa, không những bảo lưu các công trình công cộng như bệnh viện, trường học, bưu điện, trung tâm hành chính, văn hóa, phục vụ cộng đồng..., mà còn bảo lưu các công trình lịch sử, các con phố thương mại, các công trình có nhiều ấn tượng với cư dân. Về hình thái chính thể, vẫn tiếp nối cục diện khu phố có kích thước nhỏ truyền thống và mạng lưới sông ngòi, đường xá vốn có. Chức năng là nền tảng của sức sống, môi trường là cội nguồn của sinh lực. Quy hoạch chú trọng bảo vệ núi non, rừng cây, sông ngòi, thành thị, nhấn mạnh xử lý ô nhiễm và khai thác sử dụng sông ngòi trong thành phố, khiến cho sông ngòi thực sự hòa nhập vào đời sống đô thị, hình thành nét đặc sắc thực sự.

b) Khởi động xây dựng công trình du lịch văn hóa, thúc đẩy toàn khu vực phục hưng. Phát triển du lịch văn hóa có thể biểu đạt tốt hơn và nâng cấp cá tính và sức thu hút. Một mặt, quy hoạch chú trọng khai thác sử dụng di sản văn hóa lịch sử hiện có; mặt khác, cần phải đưa vào các nhân tố văn hóa mới, dùng văn hóa để thúc đẩy khu vực phát triển.

Đảo Hà Tâm nằm ở phía Đông thị trấn Tam

Châu có phần lớn diện tích là vùng đầm lầy, nằm ở giữa sông, có vai trò rất quan trọng trong cảnh quan, sinh thái và ngăn lũ, được quy hoạch thành công viên văn hóa với ý tưởng thiết kế là “đất ẩm ẩn tượng, con thuyền ký ức” nhằm bảo tồn thiên nhiên vùng đất ẩm, thể hiện nét đặc sắc của môi trường tự nhiên thuần khiết, bảo tồn một vùng đất nguyên thủy trong tiến trình cải tạo xây dựng đô thị mạnh mẽ.

IV. Kết luận

Cải tạo và khôi phục các thị trấn nhỏ là một công việc gian khổ và phức tạp, quy hoạch cải tạo cần phải lấy phục hưng làm mục tiêu, tăng cường quy hoạch dự án và bố trí kế hoạch hành động, cần phải đồng thời cải tạo không gian vật chất và chấn hưng tinh thần. Trong xây dựng cải tạo, cần tránh dỡ bỏ xây dựng lại một cách mù quáng, cần quan tâm tới đời sống thường ngày của nhân dân, duy trì sức sống hiện có; về xử lý hình thái không gian, cần hết sức tôn trọng quy luật đô thị; bố trí kế hoạch hành động cần phải nhấn mạnh thông qua các điểm phục hưng để khơi nguồn sức sống, qua đó chỉ đạo toàn bộ khu vực cải thiện và phát triển liên tục về kinh tế, xã hội và môi trường tự nhiên.

Lý Hán Phi

Tạp chí “Xây dựng Đô thị và nông thôn TQ”

số 2/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Chiến lược và biện pháp phát triển

“thành phố giao thông công cộng” của Quảng Châu - Trung Quốc

Đường sắt đô thị là xương sống của hệ thống giao thông công cộng trong đô thị. Đẩy mạnh phát triển đường sắt đô thị là giải pháp hiệu quả cho vấn đề giao thông đô thị, phát triển giao thông đô thị bền vững. Là một đô thị đặc biệt lớn, Quảng Châu cần triệt để phát huy tác dụng quan trọng của đường sắt đô thị, tích cực xây dựng thành phố “giao thông công

cộng”, đẩy mạnh phát triển đường sắt đô thị để giải quyết vấn đề ùn tắc giao thông và ô nhiễm giao thông ngày một nghiêm trọng, tạo ra một hệ thống dịch vụ giao thông công cộng an toàn, tiện lợi, thoải mái, chất lượng cao.

I. Những nghiên cứu về “thành phố giao thông công cộng”

Cho tới nay, vẫn chưa có định nghĩa tương

đối chính xác và toàn diện về khái niệm “thành phố giao thông công cộng”, khái niệm này bắt nguồn từ cuốn sách “Thành phố giao thông công cộng” của một tác giả người Mỹ. Hình thái phát triển sơ khai của “thành phố giao thông công cộng” là mô hình dịch vụ xe buýt công cộng linh hoạt, tiện dụng, phù hợp với phát triển đô thị kiểu phân tán. Thông qua xây dựng giao thông đường sắt để định hướng phát triển đất xây dựng đô thị, tạo ra mô hình phát triển đô thị sử dụng tổng hợp đất đai là xu thế mới của phát triển “thành phố giao thông công cộng”.

Nhu cầu giao thông cơ giới của thành phố Quảng Châu những năm gần đây tăng trưởng nhanh chóng. Lượng ô tô năm 1997 đạt 1 triệu chiếc, đến cuối năm 2009 tăng lên 2 triệu chiếc, riêng ô tô con đạt 1,1 triệu chiếc. Cùng với tiến trình đô thị hóa, giao thông cơ giới cũng bước sang giai đoạn phát triển nhanh chóng, dự tính tình trạng ùn tắc giao thông của Quảng Châu sẽ càng trầm trọng, các công trình đường sá sẽ chịu sức ép giao thông nghiêm trọng.

Căn cứ theo tư duy ưu tiên phát triển giao thông công cộng, mấy năm gần đây, Quảng Châu đã áp dụng các biện pháp như nhanh chóng xây dựng hệ thống đường sắt đô thị, tối ưu hóa mạng lưới giao thông, thực hiện chế độ giá vé ưu tiên..., do vậy đã giành được một số thành tích rõ nét ở mặt xây dựng đường sắt đô thị. Hiện nay, Quảng Châu đã mở được 5 tuyến đường sắt đô thị với tổng chiều dài 150 km, vận tải hành khách của đường sắt đô thị chiếm 13,9% lượng chuyên chở hành khách bằng phương tiện cơ giới, cao hơn 5,6% so với năm 2007. Chất lượng dịch vụ vận tải của hệ thống đường sắt đô thị cũng không ngừng được cải thiện và nâng cao, trong tương lai, giao thông đường sắt đô thị được dự báo sẽ chiếm ưu thế.

II. Chiến lược phát triển “thành phố giao thông công cộng” của Quảng Châu

1. Mục tiêu chiến lược giao thông đô thị

Từ năm 2008 lại đây, thành phố Quảng Châu liên tục hoàn thành nhiều quy hoạch

chiến lược đô thị, bao gồm các quy hoạch có tính hệ thống như “Quy hoạch phát triển giao thông đô thị”, “Quy hoạch giao thông tổng hợp thành phố Quảng Châu”, “Quy hoạch phát triển tổng thể thành phố Quảng Châu”.... Những quy hoạch chiến lược này nêu rõ mục tiêu chiến lược tổng thể giao thông của Quảng Châu là thực hiện “chia sẻ, thông suốt, chuyên sâu, không ô nhiễm, công bằng”, giúp cho Quảng Châu có thể thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của cả khu vực đồng bằng Châu Giang rộng lớn phát triển bền vững.

Nhằm giải quyết sức ép do dân số gia tăng, thiếu tiền vốn, môi trường ô nhiễm, phát triển bền vững giao thông đô thị, quy hoạch chiến lược đột mới của Quảng Châu đã tích cực đề xướng việc xây dựng và phát triển hệ thống giao thông ít ô nhiễm, khuyến khích các phương thức giao thông không ô nhiễm như đi bộ, xe không có động cơ..., thông qua ra sức phát triển đường sắt đô thị, thay thế cho các phương thức giao thông ô nhiễm cao, nhằm đáp ứng yêu cầu giao thông ngày càng tăng của đô thị và đòi hỏi về một môi trường ít ô nhiễm, kiên trì nguyên tắc phát triển giao thông phải cân đối và thống nhất với bảo vệ môi trường đô thị, môi trường sinh thái. Từ góc độ giao thông đô thị, giúp thành phố Quảng Châu trở thành một thành phố nổi tiếng về văn hóa lịch sử trên thế giới mang đậm nét đặc sắc văn hóa Lĩnh Nam. Quy hoạch chiến lược đột mới đã xác định mục tiêu xây dựng hệ thống giao thông công cộng “có nòng cốt là đường sắt đô thị” là thích ứng với yêu cầu phát triển hệ thống thành phố, thị trấn bao gồm bốn cấp “đô thị chính - đô thị phụ - thành phố vệ tinh - thị trấn nhỏ”, hình thành hệ thống giao thông công cộng nhất thể hóa gồm nhiều mô thức, nhiều tầng, hiệu quả cao, cạnh tranh mạnh mẽ với xe hơi gia đình, dựa vào giao thông đường sắt để thúc đẩy đô thị phát triển theo chiều sâu, đạt được mục tiêu phục vụ chất lượng cao. Năm 2002, Quảng Châu xây dựng thành công thành phố giao thông công

cộng với “giao thông công cộng là chủ đạo”, sớm thực hiện “thời đại giao thông đường sắt”.

2. Đối sách chiến lược giao thông

Phác thảo tương lai giao thông Quảng Châu do quy hoạch chiến lược mới vẽ ra đã xác định rõ ràng, một trong những biện pháp quan trọng để giảm thiểu ô nhiễm giao thông, làm dịu bớt ùn tắc giao thông, giải quyết các vấn đề dân sinh như đi lại... là ra sức phát triển đường sắt đô thị. Thông qua việc ưu tiên phát triển giao thông công cộng, ra sức xây dựng đường sắt đô thị, xây dựng mạng lưới giao thông đường sắt hợp lý về cơ cấu, hoàn thiện về chức năng, hiệu quả cao, thúc đẩy hình thành mạng lưới chuyên chở hành khách nhất thể hóa, xây dựng chế độ giá vé hợp lý cho giao thông công cộng, khiến cho ưu thế của giao thông đường sắt có thể bổ sung cho các hình thức giao thông công cộng thông thường khác, nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống giao thông công cộng nhất thể hóa. Nâng cao trình độ thông tin hóa và tự động hóa của hệ thống giao thông, tăng cường giám sát quản lý giao thông công cộng, cải thiện mức độ phục vụ của giao thông công cộng, triệt để phát huy ưu thế nòng cốt của giao thông đường ray trong vận chuyển hành khách giao thông công cộng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững “giao thông công cộng là chính, giao thông cơ giới cá thể là phụ”.

Cần phải xác lập địa vị ưu thế chủ yếu của đường sắt đô thị trong hệ thống giao thông công cộng, giao thông đường sắt sẽ chiếm trên 40% tổng lượng chuyên chở hành khách của giao thông công cộng đô thị, thông qua mạng lưới đường bộ và đường sắt để phát triển hệ thống giao thông, điều tiết mở rộng không gian và điều chỉnh tối ưu hóa bố cục đô thị. Tích cực xây dựng hệ thống giao thông đường sắt cao tốc nối liền với hệ thống đường sắt quốc gia, nối liền với các thành phố, các khu vực, áp dụng hai mô thức chỉ đạo giao thông và đáp ứng nhu cầu, thực hiện nối liền các khu vực phát triển trong và ngoài thành phố thông qua giao thông

đường sắt, mở rộng bố cục đô thị, không gian đô thị và giảm bớt mật độ dân số, tích cực nối liền với mạng lưới giao thông công cộng đường sắt giữa Quảng Châu và khu vực đồng bằng Châu Giang, tăng cường hòa nhập với các đô thị chung quanh. Trong khoảng thời gian 10 - 15 năm sắp tới, Quảng Châu sẽ tiếp tục và nhanh chóng tập trung xây dựng giao thông đường sắt, hình thành lực lượng chủ chốt chuyên chở hành khách trong giao thông công cộng đô thị, duy trì quy mô xây dựng 25 – 35 km hàng năm, tối ưu hóa cơ cấu giao thông cơ giới của đô thị.

Trên cơ sở mục tiêu chiến lược, quy hoạch chiến lược mới xác định rõ, các khâu như pháp luật, đầu tư, thuế, quy hoạch, xây dựng, kinh doanh và quản lý... phải thực sự thực hiện chính sách ưu tiên phát triển giao thông công cộng, tạo điều kiện ưu tiên cho phát triển giao thông công cộng, bảo đảm cho giao thông công cộng sử dụng hợp lý đất, đầu tư tiền vốn, kinh doanh hiệu quả cao và hành khách đi lại thuận tiện. Chính sách ưu tiên phát triển giao thông công cộng cụ thể bao gồm ưu tiên xây dựng công trình hạ tầng, ưu tiên điều chỉnh cơ cấu mạng lưới giao thông công cộng, ưu tiên bảo đảm không gian vận hành và ưu tiên đồng bộ các biện pháp bảo đảm, nhanh chóng hình thành lực lượng chủ chốt trong chuyên chở hành khách đô thị, lấy vị trí chủ yếu của giao thông đường sắt làm trọng điểm, tăng cường xây dựng công trình nối liền các ga giao thông đường sắt, nâng cao trình độ phục vụ và hiệu quả vận hành của giao thông đường sắt.

3. Mục tiêu phát triển “thành phố giao thông công cộng”

Quy hoạch chiến lược mới xác định rõ mục tiêu chiến lược xây dựng “thành phố giao thông công cộng” như sau: giao thông công cộng trong khu nội thành chiếm 65% lượng đi lại bằng phương tiện cơ giới vào năm 2020, giao thông công cộng các khu vực chủ yếu chiếm tới 70% lượng đi lại bằng phương tiện cơ giới, giao

thông đường sắt chiếm 70% lượng đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng, với khoảng 30 phút mọi người trong phạm vi khu vực chủ yếu có thể đi tới trung tâm thông qua hệ thống giao thông công cộng. Các vị trí chủ yếu chuyên chở hành khách ra bên ngoài (hàng không, đường sắt, đường quốc lộ, vận tải đường thủy) thực hiện nhất thể hóa giao thông chuyên chở hành khách trong và ngoài, nâng cao chức năng; triệt để nối liền mạng lưới giao thông đường sắt các thành phố đồng bằng Châu Giang với mạng lưới giao thông đường sắt thành phố Quảng Châu, giữ lại hành lang và các điểm tiếp nối cho giao thông đường sắt các thành phố đồng bằng Châu Giang, nghiên cứu điều kiện tiếp nối giữa giao thông đường sắt quốc tế và quy hoạch mở rộng của các khu vực ngoài đồng bằng Châu Giang, giúp cho mục tiêu phát triển đô thị hóa khu vực đồng bằng Châu Giang được thực hiện thuận lợi; phân bố các điểm phát triển quan trọng các cấp khu vực, huyện trong thành phố Quảng Châu, đẩy mạnh thực hiện chiến lược phát triển “mở rộng về phía Nam, ưu tiên phía Bắc, liên hệ với phía Tây, tiến về phía Đông, điều chỉnh trung tâm”, thông qua giao thông đường sắt để phát triển đô thị theo chiều sâu, thúc đẩy tối ưu hóa và nâng cấp bố cục không gian, chức năng chính thể đô thị.

Do giao thông đường sắt và giao thông công cộng thông thường là phương thức giao thông không thực sự thực hiện đưa đón tận nơi, đặc biệt là giao thông đường sắt chủ yếu có chức năng vận tải cự ly dài và vừa, nên cần phải bổ sung bằng các phương thức như đi bộ, giao thông phi cơ giới khác.... Vì vậy, cải thiện môi trường thực hiện cho các phương thức như đi bộ, giao thông phi cơ giới khác..., từ đó đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển giao thông đường sắt và giao thông công cộng thông thường, hình thành một hệ thống giao thông công cộng tiện lợi, thoải mái, nhanh chóng và an toàn, thu hút ngày càng nhiều người sử dụng giao thông

công cộng, nâng cao hơn nữa tỷ lệ sử dụng phương tiện giao thông công cộng - là nội dung cần đặc biệt quan tâm trong thời gian sắp tới.

III. Các biện pháp xây dựng “Thành phố giao thông công cộng” Quảng Châu

Căn cứ vào nội hàm và mục tiêu xây dựng “Thành phố giao thông công cộng”, từ nay đến năm 2020, Quảng Châu sẽ ra sức thực hiện các biện pháp sau đây:

1. Nâng cao trình độ phục vụ của giao thông đường sắt

Giao thông đường sắt cần phải thực hiện cơ cấu mạng lưới khép kín và tỏa đi các nơi, theo kế hoạch dài hạn, Quảng Châu sẽ xây dựng 20 tuyến giao thông đường sắt trong đô thị và 11 tuyến giao thông đường sắt ra các thành phố khu vực đồng bằng Châu Giang, tạo nên một mạng lưới giao thông đường sắt có tổng chiều dài là 1.164 km, trong đó đường sắt đô thị là 811 km, mật độ mạng lưới giao thông đường sắt bao gồm cả đường cao tốc quanh thành phố là 1,8 km/km², cơ bản thực hiện mục tiêu quy hoạch “70/70”; trước năm 2020, xây dựng xong 16 tuyến giao thông đường sắt với chiều dài 666 km, bình quân mỗi năm xây dựng gần 40 km, dự tính lượng hành khách sử dụng phương tiện giao thông đường sắt toàn thành phố đạt 10 triệu người/ngày, cơ bản đạt trình độ của các đô thị lớn trên thế giới.

2. Xây dựng hệ thống giao thông công cộng cao tốc

Kết hợp với mạng lưới giao thông đường sắt, nhanh chóng xây dựng mạng lưới giao thông công cộng, tối ưu hóa hệ thống giao thông công cộng thông thường, từng bước hình thành mạng lưới phục vụ giao thông công cộng gồm ba cấp giao thông đường sắt, giao thông công cộng cao tốc và giao thông công cộng thông thường. Nâng cao hơn nữa mật độ mạng lưới và tăng cường phân bố các điểm nhà ga. Năm 2020, quy mô mạng lưới giao thông công cộng cao tốc tăng lên tới 600 km, tiếp tục nâng cao trình độ phục vụ của mạng lưới giao thông công

cộng. Tối ưu hóa công tác chuyên chở hành khách vùng ngoại ô, nhất thể hóa phục vụ giao thông công cộng đô thị và nông thôn.

3. Tăng cường xây dựng các vị trí xung yếu của giao thông vận tải hành khách

Xác định rõ chức năng của các vị trí xung yếu của giao thông vận tải hành khách, xây dựng hệ thống phân cấp các vị trí xung yếu, coi trọng tác dụng xúc tác của chúng, tăng cường xây dựng công trình ở các vị trí xung yếu nối với hệ thống giao thông đường sắt. Năm 2020, xây dựng xong 50 vị trí xung yếu giao thông đường ray, đẩy mạnh hoàn thiện công trình vị trí xung yếu giao thông tổng hợp đô thị, khiến cho các phương thức giao thông tạo thành sức mạnh tổng hợp.

4. Hoàn thiện hệ thống xe phi cơ giới và đi bộ

Kết hợp với quy hoạch đô thị và bố cục mạng lưới giao thông tổng hợp, tăng cường xây dựng công trình giao thông phi cơ giới nối liền với hệ thống giao thông công cộng, xây dựng các con đường giao thông phi cơ giới dành cho du lịch, nghỉ ngơi, không ô nhiễm và mang tính

khu vực. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển hệ thống bằng xe đạp công cộng, sắp tới xây dựng 1.500 điểm cho thuê xe đạp. Hoàn thiện công trình dành cho người đi bộ, tăng cường xây dựng mạng lưới đường đi bộ nối liền với khách sạn, khu thương mại, khu siêu thị, bồi dưỡng và phát triển môi trường giao thông đi bộ thuận lợi, xây dựng hệ thống giao thông đi bộ hai tầng thoải mái và an toàn, nhằm đáp ứng nhu cầu đa nguyên hóa giao thông và phát triển bền vững.

5. Xây dựng các chính sách và biện pháp bảo đảm

Xây dựng “đô thị giao thông công cộng” đòi hỏi phải được bảo đảm về quy hoạch đất xây dựng, chính sách tiền vốn, cơ chế thể chế và tiêu chuẩn pháp chế. Chỉ như vậy, “thành phố giao thông công cộng” mới thực sự hiệu quả.

Tạ Chí Minh

*Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn TQ”
số 1/2011)*

ND: Hoàng Thế Vinh

Hội nghị giao ban trực tuyến triển khai nhiệm vụ kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011 của ngành Xây dựng

Sáng ngày 19/7/2011 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị giao ban trực tuyến-triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2011. Tham dự hội nghị có các Sở Xây dựng 63 tỉnh, thành. Tại điểm cầu Bộ Xây dựng có các đồng chí lãnh đạo Bộ, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện của Bộ. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã phát biểu khai mạc và chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã nghe các Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Lào Cai, Nghệ An, Tây Ninh... và Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam (HUD), Tổng Công ty công nghiệp xi măng (Vicem) báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ, kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2011, những vướng mắc của các địa phương trong việc áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý nhà nước lĩnh vực xây dựng, những khó khăn của các đơn vị sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng hiện nay.

Trong khuôn khổ thời gian có hạn, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã giải đáp một số kiến nghị của các doanh nghiệp và địa phương, đồng thời chỉ đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng hướng dẫn cụ thể bằng văn bản giúp các địa phương và doanh nghiệp tháo gỡ vướng mắc.

Theo Báo cáo tổng hợp của Bộ Xây dựng tại Hội nghị, thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc chủ trương cắt giảm chi phí hành chính, đầu tư công, hoàn thành rà soát và xây dựng phương án tiết kiệm 10% chi thường xuyên bằng nguồn vốn ngân sách trong 9 tháng cuối năm 2011 với số tiết kiệm là 11.170 triệu đồng. Kế hoạch đầu tư năm 2011 của các



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo Hội nghị

doanh nghiệp thuộc Bộ sau khi rà soát điều chỉnh giảm hơn 12.000 tỷ đồng so với kế hoạch đăng ký đầu năm.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, Bộ Xây dựng đã thường xuyên theo dõi, kiểm tra và kịp thời đề xuất các giải pháp xử lý những vấn đề phát sinh do biến động giá vật liệu xây dựng và bất động sản, tháo gỡ khó khăn cho các địa phương và doanh nghiệp. Bộ Xây dựng tiếp tục chỉ đạo và đôn đốc các địa phương đẩy mạnh thực hiện các chương trình nhà ở sinh viên, nhà ở công nhân, nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, hỗ trợ hộ nghèo nông thôn về nhà ở, xây dựng cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, góp phần bảo đảm an sinh xã hội.

Trong công tác xây dựng pháp luật, 6 tháng đầu năm 2011, Bộ Xây dựng đã tập trung chỉ đạo hoàn chỉnh trình Thủ tướng Chính phủ 04 đề án, ban hành 07 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực của Ngành, ban hành 05 Thông tư theo thẩm quyền đồng thời triển khai xây dựng nhiều chương trình, đề án quan trọng liên quan đến Chiến lược phát triển của ngành Xây dựng.

Về nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện Nghị

quyết số 02 và Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ; Tập trung chỉ đạo nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội; nghiên cứu xây dựng dự thảo Luật Đô thị; hoàn thành dự thảo trình Chính phủ Nghị định sửa đổi Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất và cung cấp nước sạch; thực hiện Chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch, Chương trình xử lý chất thải rắn, tổng kết đánh giá thực hiện Nghị định 88/2007/NĐ-CP về thoát nước đô thị và khu công nghiệp, Nghị định 59/2007/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn ... đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung; Tiếp tục hoàn thiện dự thảo Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, hoàn thiện dự thảo Nghị định về xây dựng lại nhà ở chung cư, nhà ở tập thể và khu dân cư cũ để chỉnh trang đô thị theo quy hoạch; Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án Nhà ở tái định cư, nhà ở cho thuê và Quỹ tiết kiệm nhà ở; Tập trung hoàn thiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý đầu tư xây dựng; Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tổng thể ngành VLXD Việt Nam đến năm 2020,



Tổng Giám đốc Tập đoàn HUD Nguyễn Đăng Nam trình bày Báo cáo sơ kết tại Hội nghị

Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD đến năm 2020; triển khai thực hiện Chương trình VLXD không nung, Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030; Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm quốc gia; Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015...

Minh Tuấn

Hội nghị sơ kết nửa nhiệm kỳ hoạt động của Công đoàn Xây dựng Việt Nam

Ngày 18/7/2011, tại Hà Nội, Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã tổ chức hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội X Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Xây dựng Việt Nam trong nửa nhiệm kỳ 2008 - 2013.

Tới dự Hội nghị có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam - Trần Tiến Hòa, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình, các Phó Chủ tịch, lãnh đạo Công đoàn Xây dựng Việt Nam các thời kỳ, đại diện các Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Xây dựng Việt Nam.



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo Hội nghị

Tại Hội nghị, Phó Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Thị Yên đã đọc báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội X Công

đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Xây dựng Việt Nam nửa nhiệm kỳ qua, trên các mặt quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với công nhân, viên chức, lao động (CNVCLĐ); tuyên truyền giáo dục xây dựng đội ngũ CNVCLĐ; tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội. Công tác vận động nữ CNVCLĐ, công tác tài chính, công tác đối ngoại... cũng đạt được những thành tích đáng biểu dương.

Báo cáo nêu rõ, từ năm 2008 đến nay, phong trào CNVCLĐ và hoạt động công đoàn có bước phát triển mới trên cơ sở định hướng của Nghị quyết Đại hội X Công đoàn Việt Nam. Các phong trào thi đua yêu nước liên tục được phát động nhân dịp các ngày kỷ niệm lớn, các sự kiện trọng đại của đất nước, góp phần động viên CNVCLĐ hăng hái thi đua phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ được giao trong mọi lĩnh vực, tạo nên những chuyển biến tích cực trong xã hội.

Trong nửa đầu nhiệm kỳ 2008-2013, Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã tích cực tham gia, phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với CNVCLĐ, hoạt động xã hội, từ thiện. Các cấp công đoàn trong Ngành đã quan tâm và tập trung phối hợp tổ chức hơn 1.800 cuộc kiểm tra thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động về: Hợp đồng lao động; thành toán tiền lương, xây dựng và thực hiện quy chế trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công tác bảo hộ lao động... Phong trào xanh-sạch-đẹp và đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tiếp tục được các cấp công đoàn quan tâm, phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện. Trong 3 năm 2008-2011, đoàn viên công đoàn ngành Xây dựng đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện với tổng số tiền ủng hộ trên 195 tỷ đồng, trong năm 2009, 2010 đã hỗ trợ xây mới 132 căn nhà, giúp sửa chữa 193 căn nhà cho đoàn viên gặp khó khăn.



Phó Chủ tịch Công đoàn XDVN Nguyễn Thị Yên đọc báo cáo tại Hội nghị

Trong công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng đội ngũ CNVCLĐ, các cấp công đoàn trong Ngành đã bám sát nhiệm vụ và các sự kiện quan trọng của đất nước hàng năm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong CNVCLĐ như tổ chức các hoạt động tuyên truyền, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng; triển khai cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với 945 cuộc tập huấn, nói chuyện, 37 buổi sinh hoạt câu lạc bộ với hơn 179 ngàn lượt người tham gia; tổ chức 1.100 buổi tuyên truyền về chế độ, chính sách, pháp luật cho gần 90.000 lượt CNVCLĐ.

Trong nửa đầu nhiệm kỳ, toàn ngành đã phát động được hơn 1.300 đợt thi đua, có 336 công trình đăng ký chào mừng các sự kiện trọng đại của đất nước, tiêu biểu là phong trào thi đua trên công trường xây dựng Thủy điện Sơn La, Tuyên Quang, Buôn Kuốp, Bản Vẽ, A Vương, Bắc Hà, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, xi măng Sông Thao, Cẩm Phả, nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch, cầu Thủ Thiêm. Đặc biệt trên công trường xây dựng Thủy điện Sơn La đã liên tục phát động thi đua hoàn thành và hoàn thành vượt mức mục tiêu tiến độ đề ra, góp phần đưa tổ máy I phát điện vào cuối tháng 12/2010, vượt tiến độ Nhà nước giao 02 năm...

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân biểu dương những



Toàn cảnh Hội nghị

thành tích của CĐXDVN và các cấp công đoàn ngành Xây dựng trong thời gian qua, góp phần giúp ngành Xây dựng vượt qua các khó khăn và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận và tự hào. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân mong muốn các tổ chức Công đoàn tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của mình, thực hiện tốt chức

năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, là cầu nối giữa người lao động và người sử dụng lao động, phấn đấu vì mục tiêu chung là năng suất, chất lượng, tạo việc làm, cải thiện đời sống của người lao động.

Cũng tại Hội nghị này, Công đoàn XĐVN đã tổ chức tổng kết Hội thi Cán bộ công đoàn giỏi toàn quốc ngành Xây dựng 2011 vừa mới diễn ra trong các ngày từ 15-17/2011 tại Hà Nội với các phần thi kiến thức, thi năng khiếu và thi ứng xử. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng và Chủ tịch Công đoàn XĐVN đã trao 2 giải Nhất, 2 giải Nhì, 3 giải Ba, 5 giải khuyến khích và bằng khen cho 37 cán bộ công đoàn ngành Xây dựng trên toàn quốc.

Lệ Minh

Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 46/2005/NĐ-CP của Chính phủ và sơ kết công tác thanh tra chuyên ngành xây dựng 6 tháng đầu năm 2011

Ngày 20/7/2011, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Thanh tra Bộ đã tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 46/2005/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra xây dựng; sơ kết công tác thanh tra chuyên ngành Xây dựng 6 tháng đầu năm 2011 và định hướng công tác thanh tra 6 tháng cuối năm.

Tham dự Hội nghị có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, các Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng, Cao Lại Quang, Nguyễn Trần Nam và Trần Văn Sơn; Phó tổng Thanh tra Chính phủ Trần Đức Lượng, lãnh đạo các Cục, Vụ của Thanh tra Chính phủ; lãnh đạo và các cán bộ Thanh tra Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng Hà Nội, TP.HCM và một số địa phương; đại diện các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Trịnh Đình Dũng nêu rõ: trong giai đoạn 2005 -2010, nền kinh tế nước ta đã có sự tăng trưởng vượt



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

bạc; đô thị hóa mạnh diễn ra trên khắp cả nước; những thành tựu trên đạt được một phần rất lớn là nhờ những chính sách đầu tư xây dựng đúng hướng, hiệu quả. Góp phần vào thành tích chung của ngành và Bộ Xây dựng, Thanh tra Xây dựng đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình – tuyên truyền giáo dục pháp luật tới từng cá



Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Trần Đức Lượng trao Kỷ niệm chương "Vì Sự nghiệp Thanh tra" cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân

nhân, từng tổ chức; kịp thời xử lý những vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xây dựng; nắm bắt tình hình thực tiễn, phát hiện những bất cập trong cơ chế chính sách, có những đề xuất hợp lý với Đảng và Chính phủ nhằm hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật của Nhà nước đối với ngành xây dựng. Đồng chí nhấn mạnh: trong thời gian sắp tới, Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý Nhà nước các lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý đô thị và nhà ở - sẽ được Chính phủ giao trọng trách nghiên cứu, xây dựng Luật Đô thị, mong muốn Thanh tra Xây dựng sẽ góp phần cùng toàn ngành cũng như Bộ Xây dựng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên.

Tại Hội nghị, TS. Phạm Gia Yên – Chánh Thanh tra Bộ Xây dựng đã tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 46/2005/NĐ-CP giai đoạn 2005 – 2010 trên mọi mặt : thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị; công tác giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác phòng chống tham nhũng và công tác xây dựng ngành. Các đại biểu cũng đã nghe tham luận của Thanh tra Xây dựng Hà Nội, TP.HCM và một số địa phương khác trong cả nước về tình hình và kết quả thực hiện Nghị định trong 5 năm qua.

Thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân biểu dương những thành tích xuất sắc mà Thanh tra Xây dựng đã đạt được trong thời gian qua, và bày tỏ mong muốn thanh tra chuyên ngành xây dựng sẽ hoạt động



Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Trần Đức Lượng phát biểu tại hội nghị



tốt hơn nữa, có nhiều đóng góp thiết thực vào sự lớn mạnh của ngành Xây dựng.

Trong làm việc chiều cùng ngày, thay mặt Tổng Thanh tra Chính phủ, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ Trần Đức Lượng đã trao tặng Kỷ niệm chương "Vì Sự nghiệp Thanh tra" cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, tặng Cờ Thi đua cho Thanh tra Xây dựng của Bộ Xây dựng và bằng khen của Tổng Thanh tra Chính phủ cho 02 Phó Chánh thanh tra Bộ Xây dựng. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cũng đã trao tặng Kỷ niệm chương "Vì Sự nghiệp Xây dựng" cho Lãnh đạo Thanh tra Chính phủ, và tặng bằng khen cho các tập thể, cá nhân của Thanh tra Bộ Xây dựng và Thanh tra Xây dựng các địa phương, Chánh Thanh tra Bộ tặng Bằng khen cho 6 tập thể và 10 cá nhân thuộc Thanh tra Xây dựng các địa phương có thành tích công tác xuất sắc.

Lệ Minh

Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng, sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011

Sáng ngày 22/7, Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam đã tổ chức hội nghị Kiểm điểm công tác xây dựng Đảng, sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm và triển khai kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011.

Tới dự Hội nghị có Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, Phó Bí thư Đảng ủy khối Doanh nghiệp Trung ương Nguyễn Văn Ngọc, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam Lê Văn Quế, Tổng Giám đốc Tập đoàn Dương Khánh Toàn, lãnh đạo các Tổng Công ty, công ty, các phòng, ban chuyên môn, các ban quản lý dự án, các tổ chức Đảng, đoàn thể thuộc Tập đoàn.

Thay mặt lãnh đạo Tập đoàn, Tổng Giám đốc Dương Khánh Toàn đã báo cáo tại Hội nghị về tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2011 của Tập đoàn.

Theo báo cáo, 6 tháng đầu năm 2011, tình hình sản xuất kinh doanh của Tập đoàn gặp nhiều khó khăn do lạm phát, lãi suất tín dụng cao, dẫn đến thiếu vốn trầm trọng tại các dự án do Tập đoàn đầu tư và thi công, ảnh hưởng đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của người lao động. Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ ngành, sự giúp đỡ của các địa phương, các cấp ủy Đảng và lãnh đạo Tập đoàn, lãnh đạo các đơn vị thành viên đã có những giải pháp điều hành quyết liệt cùng với sự nỗ lực của toàn thể gần 90.000 cán bộ công nhân viên của cả Tập đoàn, về cơ bản Tập đoàn đã hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm, với tổng giá trị sản xuất kinh doanh thực hiện 31.890 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch, tăng



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo Hội nghị

13% so với cùng kỳ năm 2010, nộp ngân sách nhà nước 1.105 tỷ đồng, bằng 49% kế hoạch năm, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,26 triệu đồng/tháng.

Theo Tổng Giám đốc Dương Khánh Toàn, mặc dù Tập đoàn đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2011, giá trị sản xuất kinh doanh lớn nhưng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm chỉ đạt 572 tỷ đồng, bằng 18% kế hoạch năm. Nguyên nhân chủ yếu là do hầu hết các công trình do Tập đoàn thi công thiếu vốn thanh toán (đặc biệt là thủy điện Lai Châu, Huội Quảng), giá trị dở dang, công nợ lớn, vượt quá khả năng của các đơn vị, trong khi đó lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng tăng cao, bình quân lãi suất vay từ 20-22%/năm, nên 6 tháng đầu năm 2011, Tập đoàn phải trả lãi vay đến 2.200 tỷ, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của Tập đoàn. Mặt khác, sản phẩm được kỳ vọng mang lại lợi nhuận cao là kinh doanh nhà và đô thị trong 6 tháng đầu năm đạt hiệu quả thấp, việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp cũng đạt thấp, giá trị đầu tư chỉ đạt 44%



Phó Bí thư Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương Nguyễn Văn Ngọc phát biểu tại Hội nghị

kế hoạch do thiếu vốn, thực hiện giãn, hoãn tiến độ một số dự án, khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư của một số dự án khác.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ Tập đoàn Sông Đà đã chỉ đạo các cơ sở đảng trực thuộc tăng cường công tác tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, phát động các phong trào thi đua kỷ niệm 81 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 80 năm thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, kỷ niệm 121 năm ngày sinh của Bác, đẩy mạnh thực hiện Cuộc Vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, tổ chức các Hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội XI của Đảng cho trên 500 cán bộ chủ chốt của Tập đoàn. Trong nửa đầu năm 2011, Đảng ủy Tập đoàn đã kết nạp được 209 đảng viên mới, công nhận chính thức cho 194 đảng viên dự bị, phát thẻ đảng cho 534 đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Tập đoàn đã xây dựng Chương trình công tác kiểm tra, giám sát năm 2011, ban hành quy trình giám sát chuyên đề, quy trình tiến hành công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng. Trong 6 tháng đầu năm đã tổ chức giám sát một số tổ chức đảng và đảng viên, qua đó phát hiện 03 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, đã chuyển sang kiểm tra, kết luận là có vi phạm và xử lý kỷ luật theo quy định.

Thay mặt lãnh đạo Đảng ủy khối doanh nghiệp Trung ương, Phó Bí thư Đảng ủy Khối



Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn CNXDVN Lê Văn Quế phát biểu tại Hội nghị

Nguyễn Văn Ngọc đã phát biểu chia sẻ với những khó khăn về vốn, việc làm, giá cả nguyên, nhiên liệu đầu vào tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của cán bộ công nhân viên chức lao động của Tập đoàn. Đảng ủy và lãnh đạo Tập đoàn đã rất chủ động và nhạy bén trong công tác chỉ đạo, điều hành để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch; Về công tác xây dựng Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Ngọc đã đánh giá, trong 6 tháng đầu năm qua, Đảng ủy Tập đoàn đã có nhiều cố gắng, triển khai được nhiều hoạt động thiết thực; Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, Đảng ủy của Tập đoàn cần quan tâm hơn nữa đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt trong các kỳ sinh hoạt Đảng, tạo ra sự đoàn kết nhất trí, quyết tâm hoàn thành kế hoạch 6 tháng cuối năm.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã biểu dương những cố gắng của tập thể cán bộ lãnh đạo, công nhân viên chức - lao động của Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam trong việc vượt qua những khó khăn để đạt được về cơ bản kế hoạch sản xuất kinh doanh nửa đầu năm 2011.

Theo Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân, trong 6 tháng cuối năm nền kinh tế nước ta vẫn trong tình trạng khó khăn, chính sách của Nhà nước về thắt chặt tín dụng để ổn định kinh tế vĩ mô vẫn tiếp tục được duy trì. Trong bối cảnh đó,

các doanh nghiệp ngành Xây dựng cần hết sức quan tâm, ưu tiên hàng đầu là đảm bảo tài chính lành mạnh, tức là cân đối được dòng tiền đầu vào và đầu ra, đề ra các giải pháp cho việc đó như điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư, các giải pháp tận thu, tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý...

Về lâu dài, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân nhấn mạnh, lãnh đạo Tập đoàn cần hoàn thiện mô hình Tập đoàn, xem xét, nhìn nhận lại Chiến lược phát triển của Tập đoàn về cơ cấu

ngành nghề, tỷ trọng sản phẩm, hàng hóa cho phù hợp, nhằm phát triển thành một Tập đoàn kinh tế mạnh - đó vừa là nhiệm vụ chính trị vừa là sự mong muốn của Chính phủ. Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Tập đoàn cần hết sức chú trọng đến bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tạo ra sự đoàn kết nhất trí cả trong nhận thức và hành động, phấn đấu vì lợi ích chung, mục tiêu chung của Tập đoàn.

Minh Tuấn

Khai mạc Đại hội nhiệm kỳ III Hiệp hội Bất động sản Việt Nam

Chiều ngày 16/7/2011 tại Hà Nội, Hiệp hội Bất động sản Việt Nam đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ III. Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến dự và phát biểu chỉ đạo Đại hội.

Tham dự Đại hội III của Hiệp hội Bất động sản Việt Nam (BĐSVN) có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Nguyễn Văn Khôi, đại diện các Bộ ngành Trung ương, các hội viên của Hiệp hội Bất động sản Việt Nam trên toàn quốc.

Thay mặt lãnh đạo Hiệp hội Bất động sản Việt Nam, ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hiệp hội BĐS Việt Nam đã trình bày báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ II và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ III của Hiệp hội.

Theo báo cáo, trong nhiệm kỳ II vừa qua, Hiệp hội BĐS Việt Nam đã kiện toàn bộ máy tổ chức, bổ sung 11 ủy viên Ban Chấp hành và 05 ủy viên Ban Thường vụ, thành lập các ban chuyên trách. Công tác phát triển hội viên của Hiệp hội đạt được thành tích ấn tượng, từ 172 hội viên tại Đại hội nhiệm kỳ II năm 2008 đến nay Hiệp hội đã có 1207 hội viên thuộc Hiệp hội Trung ương và Hiệp hội BĐS ở các địa phương. Trong nhiệm kỳ qua, Hiệp hội BĐS Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, các



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam - Chủ tịch Hiệp hội BĐS Việt Nam nhiệm kỳ II trình bày báo cáo tại Đại hội

tổ chức trong nước và nước ngoài tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề, tuyên truyền phổ biến các chính sách mới của Nhà nước trong lĩnh vực bất động sản. Bên cạnh đó, Hiệp hội cũng tích cực tham gia công tác phản biện xã hội, góp ý kiến xây dựng nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Bộ Xây dựng..., phổ biến kiến thức pháp luật và đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho các doanh nghiệp là hội viên của Hiệp hội.

Bên cạnh những thành tích đạt được trong hoạt động của Hiệp hội nhiệm kỳ II, Trong báo cáo tổng kết, Ban chấp hành nhiệm kỳ II cũng nêu lên những hạn chế trong hoạt động của nhiệm kỳ II và đề ra phương hướng khắc phục trong nhiệm kỳ tới.



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo Đại hội



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chúc mừng thành công của Đại hội



Hiệp hội BĐS Việt Nam đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ



Ban chấp hành nhiệm kỳ III Hiệp hội BĐS Việt Nam ra mắt tại Đại hội

Phát biểu chỉ đạo Đại hội, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã biểu dương thành tích của Hiệp hội BĐS Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp hội viên của Hiệp hội trong thời gian qua, chia sẻ với những khó khăn của doanh nghiệp bất động sản trong bối cảnh thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng hiện nay. Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã chỉ đạo Ban chấp hành Hiệp hội BĐS Việt Nam nhiệm kỳ tới cần tập trung cao hơn cho công tác phản biện xã hội, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, có giải pháp đảm bảo tốt hơn nữa khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức hội, coi hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật là hoạt động thường xuyên...

Sau khi thông qua báo cáo tổng kết, báo cáo kiểm điểm Ban chấp hành và báo cáo tài chính nhiệm kỳ II và tham luận của các hội địa

phương của Hiệp hội, Đại hội đã tiến hành công tác thi đua khen thưởng và bầu cử Ban Chấp hành Hiệp hội nhiệm kỳ mới.

Với những thành tích hoạt động trong những năm vừa qua, Hiệp hội BĐS Việt Nam đã vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, nhiều đơn vị là hội viên của Hiệp hội được Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Ban chấp hành Hiệp hội tặng Bằng khen.

Đại hội nhiệm kỳ III của Hiệp hội BĐS Việt Nam đã bầu 68 ủy viên Ban Chấp hành, Ủy ban kiểm tra, Ủy ban Thường vụ và các vị trí lãnh đạo của Hiệp hội gồm Chủ tịch và 7 Phó Chủ tịch. Ông Nguyễn Trần Nam - Chủ tịch Hiệp hội nhiệm kỳ II được Đại hội tín nhiệm bầu lại làm Chủ tịch Hiệp hội nhiệm kỳ III, ông Tống Văn Nga – Phó Chủ tịch Thường trực Hiệp hội nhiệm kỳ II được bầu lại là Phó Chủ tịch Hiệp hội nhiệm kỳ III. Trong số Ủy viên Ban chấp hành nhiệm kỳ III,

có 19 Ủy viên nhiệm kỳ II tái cử.

Phát biểu tại Đại hội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã chúc mừng thành công của Đại hội, chúc mừng Ban chấp hành Hiệp hội nhiệm kỳ mới. Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân cũng bày tỏ mong muốn và tin tưởng Hiệp hội BĐS VN sẽ có những hoạt động thiết thực, là đại diện tiếng nói của các doanh nghiệp bất động sản trên cả nước, đóng góp tích cực với các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình xây dựng cơ chế chính sách, các doanh

nh nghiệp bất động sản sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt để phát triển, tạo ra những sản phẩm hàng hoá bất động sản đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đẹp về kiến trúc, cảnh quan, góp phần làm thay đổi bộ mặt các đô thị, giải quyết nhu cầu về nhà ở cho mọi người dân, đóng góp tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Minh Tuấn

Lễ Động thổ và khởi công tuyến đường 11 Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội

Sáng ngày 20/7/2011, tại Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ động thổ và khởi công xây dựng tuyến đường 11 thuộc dự án thành phần xây dựng hạ tầng kỹ thuật của Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội. Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân đã đến dự, phát biểu và phát lệnh động thổ và khởi công công trình.

Tham dự buổi Lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội Mai Trọng Nhuận, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương và Thành phố Hà Nội, lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam và nhà thầu thi công - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng (LICOGI).

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân trong bài phát biểu tại buổi Lễ cho biết, để đáp ứng nhu cầu về mở rộng quy mô, cơ cấu đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, từ cuối những năm 1990, Chính phủ đã chủ trương đầu tư xây dựng mới Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc với mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất phục vụ phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội là trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao và đảm bảo gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và



Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân phát biểu và phát lệnh khởi công công trình tại buổi Lễ

chuyển giao công nghệ. Đây là một dự án đầu tư xây dựng có quy mô lớn, thời gian thực hiện đầu tư xây dựng kéo dài dự kiến hơn 10 năm đến năm 2015, bao gồm nhiều hạng mục công trình phục vụ các hoạt động của các khoa, trường và viện nghiên cứu thuộc Đại học Quốc gia. Đến cuối năm 2008, nhằm phát huy lợi thế của Bộ Xây dựng từ kinh nghiệm và khả năng chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiều dự án xây dựng công trình trọng điểm, đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thành dự án theo yêu cầu đã đề ra, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định chuyển giao chủ đầu tư dự án từ Đại học Quốc gia Hà Nội sang Bộ Xây dựng.

Ngay sau khi tiếp nhận dự án, trên cơ sở những kết quả đã đạt được của giai đoạn trước,



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu tại buổi Lễ

Bộ Xây dựng đã tổ chức rà soát hồ sơ, tình hình thực hiện dự án, hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định hiện hành, kiện toàn bộ máy Ban quản lý dự án và hình thành cơ chế phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội là đơn vị thụ hưởng nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án. Bộ Xây dựng đã chỉ đạo rà soát các quy hoạch đã được lập và nghiên cứu, điều chỉnh, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch xây dựng 1/2000 của dự án Đại học quốc gia tại Hòa Lạc. Đó là những cơ sở nền tảng quan trọng để tổ chức lập kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng, cân đối nhu cầu ngân sách và kêu gọi các nguồn vốn đầu tư cho dự án. Với quy mô triển khai dự án là 1.000 ha, dự kiến đến năm 2020 sẽ phục vụ 60.000 sinh viên và sẽ nâng lên 10.000 sinh viên vào năm 2030, Bộ Xây dựng xác định đây là một nhiệm vụ hết sức có ý nghĩa cho hôm nay và mai sau, nhưng đồng thời cũng có rất nhiều khó khăn, thách thức.

Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của dự án trong mạng lưới các trường Đại học của Thủ đô Hà Nội nói riêng và hệ thống giáo dục đại học và sau đại học của đất nước ta nói chung, Bộ Xây dựng quyết tâm phấn đấu thi đua, vượt qua những khó khăn thách thức, tập trung nguồn lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ đã được giao, xứng đáng với sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự ủng hộ, giúp đỡ của các Bộ, ban ngành và sự mong mỏi của Lãnh đạo, cán bộ giảng viên và sinh viên của Đại học Quốc gia Hà Nội.



Nghị thức động thổ khởi công công trình

Tuyến đường 11 được khởi công hôm nay thuộc mạng lưới các công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án sẽ được tập trung đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Trên cơ sở bộ khung cơ sở hạ tầng đồng bộ, các hạng mục công trình sẽ lần lượt được triển khai đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt, trong đó có các dự án sẽ thu hút nguồn vốn đầu tư từ xã hội. Hạng mục do nhà thầu LICOGI thi công - một trong những Tổng Công ty có thế mạnh về xây dựng hạ tầng của Bộ Xây dựng.

Phát biểu tại buổi Lễ, thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đã đánh giá cao những cố gắng và quyết tâm của Bộ Xây dựng, sự phối hợp giữa Bộ Xây dựng, Đại học Quốc gia Hà Nội và chính quyền địa phương trong quá trình triển khai các công việc chuẩn bị cho khởi công dự án này. Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tin tưởng rằng, việc Bộ Xây dựng đồng thời vừa là chủ đầu tư dự án vừa là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất trong lĩnh vực xây dựng sẽ là những điều kiện thuận lợi để dự án được triển khai đúng tiến độ và có chất lượng cao. Phó Thủ tướng cũng chỉ đạo Bộ Xây dựng, Đại học Quốc gia Hà Nội, Thành phố Hà Nội và UBND huyện Thạch Thất tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa, tạo cơ chế giải quyết dứt điểm một số vướng mắc còn tồn tại trong công tác giải phóng mặt bằng để dự án được triển khai đảm bảo đúng tiến độ.

Minh Tuấn

Giải pháp tài chính cho các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc

Cùng với nhu cầu và sự trông chờ của thị trường xây dựng vào nguồn vốn đầu tư xây dựng, các loại quỹ như quỹ đảm bảo an toàn sản xuất, quỹ đảm bảo tiền lương cho công nhân... liên tục gia tăng đã đốc thúc các doanh nghiệp phải tập trung huy động các nguồn vốn, làm tăng thêm mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây dựng. Lúc này, nếu các doanh nghiệp xây dựng không có nguồn vốn hùng hậu thì không những không cạnh tranh được dự án mà thậm chí sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó cũng bị đe dọa. Việc doanh nghiệp không đủ vốn chẳng khác nào “huyết mạch” không thông, cho nên khó có thể tiếp nhận được dự án thi công. Thông thường, các doanh nghiệp xây dựng phải đối mặt với các khoản thanh toán chậm trả ngày càng nhiều (hoàn thành càng nhiều công trình thì khoản dư nợ càng nhiều, hơn nữa thường xuyên phải chứng minh khả năng huy động vốn). Với nhu cầu về vốn cao như vậy, dẫn đến nguồn vốn thường xuyên trong trạng thái “cạn kiệt”, mâu thuẫn cung cầu luôn là vấn đề khiến các doanh nghiệp phải đau đầu, do đó việc doanh nghiệp xoay sở huy động vốn là việc làm thường xuyên và rất quan trọng. Làm thế nào để thực hiện giải pháp huy động vốn, nâng cao hiệu quả huy động vốn, hạn chế rủi ro về vốn là một nhiệm vụ to lớn yêu cầu lãnh đạo các doanh nghiệp phải hoàn thành.

I. Hiện trạng và kiến nghị về huy động vốn của các doanh nghiệp xây dựng

1. Hiện trạng huy động vốn của các doanh nghiệp xây dựng

Do tỉ lệ lợi nhuận của các doanh nghiệp xây dựng Trung Quốc luôn thấp hơn so với tỉ lệ lợi nhuận bình quân xã hội, một phần khá lớn giá trị sáng tạo của doanh nghiệp được chuyển cho các cơ quan khác trong hệ thống kinh tế quốc

dân. Trong quá trình phát triển của doanh nghiệp, không tích lũy được vốn hay số vốn tích lũy được rất ít. Theo “Biện pháp hiện hành về quyết toán chi phí xây dựng công trình” do Nhà nước ban hành, doanh nghiệp thi công hi vọng khoản tạm ứng công trình vừa đủ để hoàn thành công trình xây dựng. Nhưng do khó khăn về khoản vốn tạm ứng không đủ cộng với khoản chi phí thi công chậm thanh toán nên việc doanh nghiệp xây dựng trông chờ vào khoản vốn chi trả trước hoàn thành công trình rất khó thành hiện thực.

Đối mặt với yêu cầu về lượng vốn lớn, thời gian thực hiện kéo dài, tính thanh khoản thấp trong lĩnh vực thi công công trình xây dựng, một số doanh nghiệp không chuẩn bị đủ vốn, hơn nữa phần lớn các doanh nghiệp đều phải vay ngân hàng để thi công công trình. Doanh nghiệp thi công có thể thông qua các giải pháp huy động vốn như vay quỹ để thực hiện, nhưng thực tế hiện nay còn thiếu các chính sách hỗ trợ từ phía cơ quan chức năng; Việc niêm yết lên sàn giao dịch chứng khoán hoặc “mượn vở” để niêm yết là một phương thức mà khá ít doanh nghiệp có thể thực hiện được, những phương thức này bị ảnh hưởng của khá nhiều yếu tố, hiệu quả huy động vốn cũng không cao, tỉ trọng huy động vốn trực tiếp không lớn. Bởi vậy các doanh nghiệp cần gấp rút tìm ra giải pháp huy động vốn mới để giải quyết vấn đề thiếu vốn. Mặt khác, khi lĩnh vực đầu tư mới và cơ hội đầu tư mới xuất hiện là cơ hội tốt cho việc phát triển huy động vốn dự án. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp thử thông qua thị trường vốn, thị trường tiền tệ để tìm nguồn vốn.

2. Kiến nghị về giải pháp huy động vốn cho các doanh nghiệp xây dựng

2.1. Doanh nghiệp xây dựng cần tiến hành hoạt động huy động vốn. Trước tiên cần đề ra

chiến lược huy động vốn rõ ràng, xác định rõ mục tiêu huy động vốn. Doanh nghiệp cần căn cứ vào tính chất, quy mô kinh doanh, phạm vi nghiệp vụ và thời gian kinh doanh của doanh nghiệp mình, phân tích, so sánh khoa học và tỉ mỉ thông tin tư liệu của quá khứ và hiện tại, kế hoạch và thực tế, để ra chiến lược huy động vốn với các nội dung về quy mô huy động vốn, tối ưu hoá kết cấu vốn, chi phí về vốn tốt nhất, triển khai đa dạng các kênh huy động vốn. Chiến lược huy động vốn phải thực hiện theo chiến lược phát triển tổng thể của doanh nghiệp thi công, đồng thời trong chiến lược huy động vốn cần đề ra kế hoạch huy động vốn chi tiết trong từng giai đoạn.

2.2. Trong quá trình huy động vốn, một mặt cần lựa chọn các dự án hấp dẫn để kêu gọi nhà đầu tư thuận tiện cho việc huy động vốn; mặt khác, doanh nghiệp cần cơ cấu huy động vốn, bao gồm đội ngũ nhân viên tư vấn chuyên nghiệp, cung cấp cho nhà đầu tư một kế hoạch phát triển tốt đẹp. Với một dự án hấp dẫn, cộng thêm một đội ngũ huy động vốn giàu năng lực được đào tạo bài bản, vừa thể hiện được tương lai phát triển rộng mở của doanh nghiệp, vừa đồng thời thu hút được sự quan tâm của nhà đầu tư.

2.3. Thị trường vốn Trung Quốc hiện đang trong giai đoạn sơ khai, do đó doanh nghiệp cần hết sức chú ý tới những rủi ro lớn tiềm ẩn trong quá trình huy động vốn. Người quản lý doanh nghiệp phải luôn ý thức về rủi ro, căn cứ vào tính chất và môi trường bên ngoài ngành Xây dựng, phân tích và dự đoán những rủi ro tồn tại trong quá trình huy động vốn, đồng thời đề xuất và kịp thời thực hiện các biện pháp hiệu quả để ngăn chặn rủi ro.

2.4. Các cơ quan quản lý Nhà nước cần nhận thức sâu sắc những vấn đề còn tồn tại hiện nay như môi trường tín dụng chưa hoàn thiện, chính sách pháp quy thiếu kiện toàn, chính sách thuế chưa hợp lý,... bám sát công tác xây dựng môi trường huy động vốn xây

dựng công trình, nỗ lực hình thành hệ thống chính sách có lợi cho sự phát triển vững mạnh của doanh nghiệp nói riêng và sự phát triển của nền kinh tế quốc dân nói chung.

II. Nghiên cứu giải pháp tài chính cho doanh nghiệp xây dựng

Mục đích của giải pháp huy động vốn ngắn hạn là duy trì “chuỗi vốn”, vì chuỗi vốn duy trì liên tục là cơ sở đảm bảo cho sự sinh tồn và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, xét về ngắn hạn, doanh nghiệp phải đưa ra dự đoán và kế hoạch lưu thông vốn, bố trí sớm nguồn vốn cần thiết và vốn rỗi rãi, sớm đưa ra hoạch, nỗ lực ngăn chặn khả năng thiếu vốn bất khả kháng có thể xảy ra, thể hiện được tính kế hoạch về lưu thông vốn và quản lý vốn.

Trọng điểm của giải pháp huy động vốn lâu dài là nâng cao năng lực huy động vốn và nguồn huy động vốn cho doanh nghiệp, xây dựng cơ sở vững chắc cho các phương thức và kênh huy động vốn, từ đó nâng cao khả năng huy động vốn cho doanh nghiệp, như vậy mới có thể đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động mở rộng quy mô doanh nghiệp

1. Giải pháp huy động vốn ngắn hạn

1.1 Tiền đề thực hiện giải pháp huy động vốn ngắn hạn

Do tính đặc thù của bản thân sản phẩm xây dựng, như yêu cầu thời gian thực hiện kéo dài, chi phí thi công phức tạp, đối mặt với rất nhiều các yếu tố bất ngờ, cộng thêm số lượng dự án thi công dày đặc, nên việc dự đoán huy động vốn là khó khăn đặt ra cho các doanh nghiệp thi công xây dựng.

Do khó có thể dự đoán được tình hình huy động vốn nên việc quản lý cũng rất thô sơ đã khiến cho nhiều doanh nghiệp xây dựng khá mơ hồ về nhu cầu vốn và vốn dư, rơi vào trạng thái bị động. Nếu doanh nghiệp dự đoán tốt hoặc đề ra kế hoạch cụ thể về nhu cầu vốn, có chuẩn bị sớm, tránh rơi vào tình trạng bị động về các khoản chi gây ra những thiệt hại cho doanh nghiệp.

1.2. Lực chọn phương thức huy động vốn ngắn hạn

Sự tiện lợi, nhanh gọn khi tiến hành huy động vốn ngắn hạn rất quan trọng. Về việc lựa chọn phương thức huy động vốn ngắn hạn, các doanh nghiệp có thể sử dụng phương thức truyền thống như vay vốn ngân hàng, tín dụng thương mại... Ngoài ra, căn cứ vào đặc điểm về vốn của doanh nghiệp xây dựng, có thể lựa chọn các sản phẩm tiền tệ mới khá phù hợp với doanh nghiệp xây dựng như chứng khoán..

a. Vay vốn ngân hàng

Đối với ngân hàng, doanh nghiệp là đối tượng khách hàng tiềm năng. Trước tiên, ngân hàng hi vọng thông qua hoạt động thu hút tiền gửi tiết kiệm để cho các khách hàng có tình hình huy động vốn tốt nhằm thu về lãi suất khá hấp dẫn, kiểm soát chênh lệch về giá; thứ hai, ngân hàng hi vọng nghiệp vụ cho vay để cung cấp các nghiệp vụ khác, như gửi tiết kiệm, nghiệp vụ thanh toán.... Đối với doanh nghiệp, vay vốn ngân hàng là để thuận tiện cho việc phát triển lớn mạnh lâu dài của doanh nghiệp, giải quyết khó khăn về vốn. Một mặt, doanh nghiệp cần thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với ngân hàng; mặt khác, doanh nghiệp phải nỗ lực, tạo được ấn tượng tốt đẹp với ngân hàng về quy mô tổ chức hoạt động của doanh nghiệp.

Về phương diện thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với ngân hàng, chủ yếu bao gồm 3 kỹ năng: thứ nhất, xây dựng mối quan hệ tốt với phía ngân hàng hoặc nhân viên ngân hàng; thứ hai, tranh thủ vun đắp quan hệ với phía ngân hàng khi có cơ sở tiền dư dả trong tay; thứ ba, chú ý lựa chọn ngân hàng quyết toán để dành được điều kiện hợp tác có lợi.

Về phương diện tạo ấn tượng tốt đẹp với ngân hàng về quy mô hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp phải nỗ lực thực hiện những vấn đề sau: thứ nhất, thiết lập kết cấu quản lý pháp nhân chuẩn mực; thứ hai, thiết lập và kiện toàn chế độ quản lý tài vụ, cung cấp cho phía ngân hàng hồ sơ tài vụ chuẩn xác; thứ ba, nâng cao

năng lực tài vụ, đảm bảo tình hình huy động vốn ổn định; thứ tư, kiên trì giữ uy tín.

b. Tín dụng thương mại

Tín dụng thương mại chủ yếu là thông qua phương thức chiếm dụng vốn của nhà cung ứng và nhà thầu lẻ để thực hiện, chi phí hoạt động giao dịch theo phương thức này tương đối thấp, nhưng mặt trái của phương thức này là tính tùy tiện, tính ngắn hạn, không có lợi cho việc thực hiện kế hoạch hoàn trả, phải đối mặt với áp lực chi trả khó dự kiến, dễ gây ra một loạt ảnh hưởng bất lợi. Vì vậy, phương thức huy động vốn bằng tín dụng thương mại chỉ phù hợp áp dụng trong trường hợp thiếu vốn ngắn hạn, đồng thời phải làm tốt công tác kế hoạch, phân loại và thanh lý, phải thỏa thuận, thống nhất với bên cho vay, tránh gây ra rủi ro quá lớn về huy động vốn đối với doanh nghiệp.

2. Giải pháp huy động vốn dài hạn

2.1. Phân tích lực chọn giải pháp huy động vốn dài hạn

Giải pháp huy động vốn dài hạn chủ yếu bao gồm phát hành chứng khoán, phát hành cổ phiếu, trực tiếp thu hút đầu tư cổ phần, vay vốn dài hạn, thuê huy động vốn

a. Chứng khoán doanh nghiệp. Từ ngày 15/4/2008, sau khi “Biện pháp quản lý công cụ huy động vốn doanh nghiệp phi tiền tệ thị trường chứng khoán giữa các ngân hàng” chính thức thực hiện, hoạt động phát hành chứng khoán của các doanh nghiệp chính thức bắt đầu vận hành thị trường hóa, cung cấp cho các doanh nghiệp một kênh huy động vốn rộng mở hơn. Nhưng hoạt động phát hành chứng khoán doanh nghiệp theo phương thức thị trường hóa cũng đồng nghĩa với việc yêu cầu doanh nghiệp phải có sức hấp dẫn nhất định, nếu không có thể doanh nghiệp sẽ chịu thất bại, không thể thực hiện mục tiêu huy động vốn.

b. Huy động vốn từ cổ phiếu. Tuy đã qua cải cách, nhưng Trung Quốc vẫn khá khắt khe với hoạt động phát hành cổ phiếu của các công ty, điều kiện tham gia khá nghiêm ngặt, hơn nữa

số lượng các doanh nghiệp xếp hàng chờ niêm yết khá đông nên cần có khoảng thời gian tương đối dài.

c. Vay vốn dài hạn. Trình tự thẩm tra xét duyệt nghiệp vụ cho vay dài hạn của ngân hàng đưa ra rất chặt chẽ, đây thực sự là khó khăn đặt ra đối với các doanh nghiệp xây dựng.

d. Huy động vốn thuê. Trong quá trình thi công công trình, doanh nghiệp xây dựng phải đầu tư lượng lớn máy móc thiết bị, thuê tài chính là kênh huy động vốn mới và linh hoạt về vốn của các doanh nghiệp thi công xây dựng.

2.2. Giải pháp bồi dưỡng năng lực huy động vốn dài hạn

Việc mở rộng quy mô và tăng doanh thu cho doanh nghiệp được xem là giải pháp bồi dưỡng năng lực huy động vốn dài hạn cơ bản nhất và trực tiếp nhất. Xét qua các giải pháp huy động vốn hiện nay có thể thấy, dù là tranh thủ phát hành công khai trái phiếu, tham gia thị trường vốn, phát hành chứng khoán, hay là được vay vốn dài hạn của ngân hàng đều yêu cầu doanh nghiệp phải có năng lực, thành tích thực sự.

Đồng thời, việc doanh nghiệp cố gắng tạo dựng mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với ngân hàng, nỗ lực hết mình, tạo ấn tượng tốt đẹp với ngân hàng về quy mô hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình, cố gắng thể hiện ưu thế riêng, giành được sự tín nhiệm của ngân

hàng, cũng chính là một khía cạnh của hoạt động bồi dưỡng năng lực huy động vốn dài hạn cho doanh nghiệp.

III. Áp dụng phương thức lập thể và đa nguyên để giải quyết khó khăn về huy động vốn của các doanh nghiệp thi công

Khó khăn về huy động vốn của các doanh nghiệp xây dựng ở Trung Quốc suy cho cùng là do mức độ trưởng thành và kết cấu thị trường huy động vốn trong nước, giữa thể chế tiền tệ và nhu cầu huy động vốn đa dạng của phần lớn các doanh nghiệp xây dựng tồn tại sự chênh lệch quá lớn, đây thực sự là một công trình kỹ thuật, muốn giải quyết vấn đề này cần phải áp dụng phương thức lập thể và đa nguyên, chứ không chỉ đơn giản bằng phương thức bằng phẳng và đơn giản được. Nhà nước và cơ quan chức năng phải thường xuyên quan tâm đến sự phát triển lành mạnh của các doanh nghiệp xây dựng, giúp các doanh nghiệp xây dựng khắc phục khó khăn về vốn. Chỉ có sự nỗ lực của toàn xã hội trên mọi phương diện mới có thể giúp doanh nghiệp xây dựng giải quyết hiệu quả khó khăn về huy động vốn.

Chu Châu

Nguồn: Tạp chí Xây dựng TQ số 1/2011

ND: Hoàng Đại Hải

**HỘI NGHỊ KIỂM ĐIỂM CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG,
SXKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2011
CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2011



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo Hội nghị



Các đại biểu dự Hội nghị